
LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ 1945 – 2000**BÀI 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ II (1945 – 1949)**

Câu 1: Hội nghị Ianta diễn ra trong hoàn cảnh nào? Nêu những quyết định quan trọng của hội nghị (nội dung) và hệ quả của nó?

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

- Đầu 1945, CTTG II bước vào giai đoạn cuối, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra cần phải giải quyết: nhanh chóng kết thúc chiến tranh; tổ chức lại thế giới sau chiến tranh; phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

- Từ 4 – 11/2/1945, Hội nghị quốc tế được triệu tập tại Ianta (Liên Xô) với sự tham dự của nguyên thủ ba cường quốc Anh, Mỹ, Liên Xô.

*** Những quyết định quan trọng**

- Nhanh chóng tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật, kết thúc chiến tranh.
- Thành lập tổ chức Liên hợp quốc
- Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa 3 cường quốc ở Châu Âu và châu Á.

*** Hệ quả:** Những quyết định của hội nghị Ianta cùng những thỏa thuận sau đó của 3 cường quốc trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới - Trật tự 2 cực Ianta.

Câu 2: Liên Hợp Quốc: Sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động, cơ cấu tổ chức, vai trò?

*** Sự thành lập:**

- Từ 25/4 → 26/6/1945, hội nghị quốc tế họp tại Xan Phranxixcô (Mỹ) với sự tham gia 50 nước đã thông qua Bản Hiến chương và tuyên bố thành lập LHQ.

- Ngày 24/10/1945 Hiến chương chính thức có hiệu lực – Tổ chức Liên Hiệp Quốc ra đời.

*** Mục đích:**

- Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- Phát triển các mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới.

*** Nguyên tắc hoạt động: (5 nguyên tắc)**

- Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kỳ nước nào.
- Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- Chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn (Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc).

*** Cơ cấu tổ chức LHQ:** Hiến chương qui định bộ máy tổ chức của LHQ gồm 6 cơ quan: Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế xã hội, Hội đồng quản thác, Toà án quốc tế và Ban thư ký.

*** Vai trò LHQ:**

- Giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới.
- Giải quyết các vụ tranh chấp và xung đột nhiều khu vực.
- Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế.
- Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế...

* 1977, VN là thành viên 149 của LHQ.

* 2007, VN được bầu làm ủy viên không thường trực HĐBA LHQ.

BÀI 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 – 1991). LIÊN BANG NGA (1991 – 2000)

Câu 3: Hãy cho biết những thành tựu xây dựng CNXH của Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70?

*** Công cuộc khôi phục kinh tế 1945 – 1950 ở Liên Xô:**

- Hậu quả của CTTG II rất nặng nề: 27 triệu người chết, gần 2000 thành phố bị phá hủy, các thế lực thù địch bao vây, cô lập.

- Với tinh thần tự lực tự cường, nhân dân Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 -1950) trước thời hạn 9 tháng

+ Công nghiệp: 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73%

+ Nông nghiệp: 1950, SX NN đạt mức trước CT

+ KHKT: 1949, LX chế tạo thành công bom nguyên tử → phá thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ

*** Ý nghĩa:** Là nền tảng vững chắc cho công cuộc xây dựng CNXH.

*** Thành tựu trong công cuộc xây dựng CNXH ở LX từ 1950 – nửa đầu những năm 70:**

- **CN:** Liên xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ), đi đầu trong nhiều ngành công nghiệp quan trọng: CN vũ trụ, CN điện hạt nhân.

- **NN:** Tăng trung bình hàng năm 16%.

- **KHKT:** chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao trong các lĩnh vực KHKT.

+ Năm 1957: Là nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo.

+ Năm 1961: Phóng tàu vũ trụ (Gagarin) bay vòng quanh trái đất → Mở đầu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người.

- **Đối ngoại:** Chủ trương duy trì hòa bình, an ninh thế giới, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, giúp đỡ các nước XHCN...

Câu 4: Trình bày những nét chính về Liên Bang Nga từ năm 1991 – 2000?

- Sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga là "quốc gia kế tục Liên Xô".

- Trong thập kỷ 90, dưới chính quyền tổng thống Enxin, tình hình Liên Bang Nga chìm đắm trong khó khăn và khủng hoảng: kinh tế tăng trưởng âm, tranh chấp giữa các đảng phái và xung đột sắc tộc (Trecxnia...)

- **Về đối ngoại :** Chính sách ngả về phương Tây đã không đạt kết quả như mong muốn; về sau, nước Nga khôi phục và phát triển mối quan hệ với châu Á (Trung Quốc, Ấn Độ, các nước ASEAN...)

- Từ 2000, chính quyền của tổng thống V. Putin đã đưa Liên Bang Nga thoát dần những khó khăn, khủng hoảng, ngày càng chuyển biến khả quan: kinh tế hồi phục, phát triển, chính trị xã hội dần ổn định và địa vị quốc tế được nâng cao để trở lại vị thế một cường quốc Âu – Á.

BÀI 3: CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

Câu 5: Những biến đổi quan trọng của khu vực Đông Bắc Á sau CTTG II?

- Là khu vực rộng lớn, đông dân nhất thế giới, tài nguyên phong phú.
- Trước CTTG II, bị chủ nghĩa thực dân nô dịch (trừ Nhật Bản).
- Sau CTTG II, Đông Bắc Á đã diễn ra nhiều chuyển biến quan trọng:

*** Về chính trị:**

- 10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước CHND Trung Hoa ra đời.
- Cuối thập niên 90, Hồng Kông và Ma Cao đã trở về thuộc chủ quyền Trung Quốc.
- Sau 1945, bán đảo Triều Tiên bị chia cắt thành 2 miền theo vĩ tuyến 38 với sự thành lập Nhà nước Đại Hàn Dân Quốc (Hàn Quốc, 8/1948) và Nhà nước CHDCND Triều Tiên (9/1948). Quan hệ giữa hai nước này là đối đầu, căng thẳng. Từ 2000, đã có những cải thiện bước đầu theo chiều hướng tiếp xúc và hoà hợp dân tộc.

*** Về kinh tế:**

- Nửa sau thế kỉ XX, khu vực Đông Bắc Á đạt được sự tăng trưởng nhanh chóng về kinh tế, đời sống nhân dân được nâng cao: Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Đặc biệt những thành tựu to lớn của Nhật Bản và Trung Quốc từ cuối những năm 70.

Câu 6: Trình bày sự thành lập nhà nước CHND Trung Hoa và ý nghĩa của nó?

*** Sự thành lập nước CHND Trung Hoa**

- Sau chiến tranh chống Nhật kết thúc, ở Trung Quốc diễn ra cuộc nội chiến (1946 – 1949) giữa Đảng Quốc Dân và Đảng Cộng sản → ngày 1/10/1949, nước CHND Trung Hoa được thành lập, đứng đầu là chủ tịch Mao Trạch Đông.

*** Ý nghĩa:**

- Sự ra đời nước CHNDTH đánh dấu thắng lợi của CMDTDC ở TQ
- Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xoá bỏ tàn dư phong kiến
- Đưa đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do tiến lên CNXH.
- Ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 7: Vì sao Trung Quốc phải cải cách? Nội dung và thành tựu của công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc (1978 – 2000)?

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

- Do sai lầm về đường lối “Ba ngọn cờ hồng” đã tàn phá nền kinh tế Trung Quốc. Đặc biệt là cuộc “Đại cách mạng văn hoá vô sản” từ 1966 – 1976, đã làm cho đất nước Trung Quốc khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội.

- Tháng 12/1978, TW ĐCS TQ đề ra đường lối cải cách kinh tế - xã hội do Đặng Tiểu Bình khởi xướng.

*** Nội dung:**

- Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm,
- Tiến hành cải cách, mở cửa,
- Chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường XHCN linh hoạt hơn.
- Tiến hành bốn hiện đại hoá nhằm mục tiêu biến TQ thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh

- * **Thành tựu:** Sau 20 năm tiến hành cải cách – mở cửa, đất nước TQ đã có những biến đổi căn bản và đạt nhiều thành tựu to lớn:

- Kinh tế: GDP tăng trung bình hàng năm 8%, năm 2000 GDP đạt 1080 tỷ USD, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- KHKT:

+ 1964 thử thành công bom nguyên tử

+ 10/2003, phóng thành công tàu vũ trụ “Thần Châu 5”, đưa nhà du hành vũ trụ Dương Lợi Vĩ bay vào không gian vũ trụ.

* **Đối ngoại:** Trung Quốc đã có quan hệ ngoại giao với các nước và địa vị quốc tế không ngừng được nâng cao.

BÀI 4: CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

Câu 8: Khái quát quá trình đấu tranh giành độc lập của các quốc gia ĐNA sau CTTG II?

- Trước CTTG II, hầu hết các quốc gia ĐNA là thuộc địa của thực dân Âu – Mỹ (trừ Thái Lan). Ngay khi Nhật Bản đầu hàng Đồng minh, nhân dân các nước ĐNA đã nhanh chóng nổi dậy giành chính quyền, tiêu biểu ở Indônêxia (8/1945), Việt Nam (8/1945), Lào (10/1945)...

- Sau đó, thực dân Âu – Mỹ tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa nhưng đã thất bại và buộc phải trao trả độc lập cho nhiều nước ĐNA. Tới giữa những năm 50, nhiều nước ĐNA đã giành được độc lập (Philippin – 1946, Miến Điện – 1948, Indônêxia – 1950, Mã Lai – 1959...)

- Tháng 7/1954, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân VN, Lào, CPC giành thắng lợi với hiệp định Giơnevơ về ĐĐ được ký kết.

Câu 9: Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Lào từ 1945 – 1975?

- Ngày 12/10/1945, nhân dân thủ đô Viêng Chăn khởi nghĩa thắng lợi, Lào tuyên bố độc lập.

- Tháng 3/1946, Pháp trở lại xâm lược Lào. Từ 1946 đến 1975, nhân dân Lào đã buộc phải cầm súng tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954) và đế quốc Mỹ (1954 – 1975).

- Tháng 2/1973 Hiệp định Viêng Chăn về lập lại hòa bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào được ký kết.

- Ngày 2/12/1975 nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào được thành lập, mở ra kỷ nguyên xây dựng và phát triển của đất nước Triệu Voi.

Câu 10: Những nét chính về tình hình Campuchia (1945 – 1993)?

- Từ cuối năm 1945 đến năm 1954, nhân dân CPC tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngày 9/11/1953, Pháp ký Hiệp ước trao trả độc lập cho CPC.

- Tháng 7/1954 Hiệp định Giơnevơ được ký, công nhận độc lập, chủ quyền của CPC.

- Từ 1954 – 1970: Chính phủ CPC do Xihanuc lãnh đạo đi theo đường lối hòa bình, trung lập, không tham gia các liên minh quân sự để xây dựng đất nước.

- Tháng 3/1970, Mỹ dùng tay sai đảo chính lật đổ Xihanuc.

- Ngày 17/4/1975, thủ đô PhnômPênh được giải phóng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ. Tập đoàn Khơ-me đỏ do Pôn-Pốt cầm đầu đã thi hành chính sách diệt chủng cực kỳ tàn bạo, giết hại hàng triệu người dân vô tội.

- Ngày 7/1/1979, thủ đô PhnômPênh được giải phóng, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ra đời.

- Từ 1979 - 1991, diễn ra cuộc nội chiến kéo dài hơn 10 năm và kết thúc với sự thất bại của Khơ-me đỏ. Tháng 10/1991 Hiệp định hòa bình về Campuchia được ký kết.

- Sau cuộc tổng tuyển cử 1993, Campuchia trở thành Vương quốc độc lập do Xi-han-út làm quốc vương, Campuchia bước vào thời kỳ hoà bình, xây dựng và phát triển đất nước.

Câu 11: Trình bày nội dung, thành tựu, hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của 5 nước sáng lập ASEAN?

*** Chiến lược kinh tế hướng nội:**

- Sau khi giành được độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN (Indônêxia, Malaixia, Philippin, Xingapo và Thái Lan) đã tiến hành đường lối công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (chiến lược kinh tế hướng nội).

- Mục tiêu: nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, xây dựng kinh tế tự chủ.

- Nội dung: Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng nội địa, thay thế hàng nhập khẩu. Lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.

- Thành tựu: Sản xuất đáp ứng được nhu cầu cơ bản của nhân dân, góp phần giải quyết nạn thất nghiệp, đời sống nhân dân được cải thiện.

- Hạn chế: Thiếu vốn, nguyên liệu và công nghệ, chi phí cao dẫn đến thua lỗ, tham nhũng, quan liêu...

*** Chiến lược kinh tế hướng ngoại:**

- Từ những năm 60 – 70, các nước này chuyển sang chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu (chiến lược kinh tế hướng ngoại).

- Nội dung: Tiến hành “mở cửa” nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá, phát triển ngoại thương

- Thành tựu: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của 5 nước khá cao: Indônêxia: 7 – 7.5%, Malaixia: 7.8%, Philippin: 6.3% trong những năm 70, Thái Lan: 9% (1985 – 1995), Singapo: 12% 91966 – 1973). Năm 1980, tổng kim ngạch xuất khẩu của 5 nước đạt tới 130 tỉ USD – chiếm 14% ngoại thương của các nước đang phát triển.

- Hạn chế: Phụ thuộc vào vốn và thị trường nước ngoài, cơ cấu đầu tư bất hợp lí.

Câu 12: Trình bày sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN?

*** Hoàn cảnh ra đời:**

- Sau khi độc lập, các nước trong khu vực cần có sự hợp tác với nhau để phát triển

- Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực, nhất là cuộc chiến tranh xâm lược VN của Mỹ ngày càng tỏ rõ không tránh khỏi thất bại.

- Trên thế giới xuất hiện nhiều tổ chức hợp tác mang tính khu vực, tiêu biểu là cộng đồng Châu Âu đã thúc đẩy sự liên kết giữa các nước ĐNA.

- Ngày 8/8/1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNA (ASEAN) thành lập tại Băng Cốc với sự tham gia của 5 nước là Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan và Philippin.

* **Mục tiêu:** Tiến hành sự hợp tác giữa các nước thành viên nhằm phát triển kinh tế và văn hóa trên tinh thần duy trì hòa bình và ổn định khu vực.

*** Những thành tựu chính của ASEAN:**

- Tháng 2/1976, ký hiệp ước thân thiện và hợp tác ĐNA (hiệp ước Bali) nhằm quyết định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

- Giải quyết vấn đề Campuchia bằng các giải pháp chính trị, nhờ đó quan hệ giữa các nước ASEAN và ba nước Đông Dương được cải thiện.

- Mở rộng thành viên từ 5 nước lên 10 nước: Năm 1984 Brunây gia nhập ASEAN, Việt Nam (28/7/1995), Lào và Mianma (9/1997), Campuchia (1999)

- ASEAN đẩy mạnh hoạt động hợp tác kinh tế, văn hoá nhằm xây dựng một cộng đồng ASEAN về kinh tế, an ninh và văn hoá vào năm 2015.

Câu 13: Cuộc đấu tranh giành độc lập của Ấn Độ trong những năm 1945 - 1950 diễn ra như thế nào?

- Là nước lớn ở châu Á và đông dân thứ 2 thế giới: 3.3 triệu km², dân số: 1.02 tỉ người (2000).

- Sau CTTG II, cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân Ấn Độ do Đảng Quốc Đại lãnh đạo diễn ra sôi nổi, buộc thực dân Anh phải nhượng bộ, nhưng lại trao quyền tự trị theo “phương án Maobátton”. Ngày 15/8/1947, hai Nhà nước tự trị Ấn Độ và Pakixtan được thành lập.

- Không thỏa mãn với chế độ tự trị, nhân dân Ấn Độ tiếp tục đấu tranh. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố độc lập và nhà nước cộng hòa được thành lập.

Ý nghĩa: đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân Ấn Độ, cổ vũ mạnh mẽ PT GPDT trên thế giới.

Câu 14: Những thành tựu chính mà nhân dân Ấn Độ đạt được trong quá trình xây dựng đất nước?

Ấn Độ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về nông nghiệp và công nghiệp trong công cuộc xây dựng đất nước

- **NN:** nhờ tiến hành cuộc “Cách mạng xanh” nên Ấn Độ tự túc được lương thực, 1995 là nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba trên thế giới.

- **CN:** Đã sản xuất nhiều loại máy móc như máy bay, tàu thủy, xe hơi, đầu máy xe lửa... và sử dụng năng lượng hạt nhân vào sản xuất điện.

- **KHKT:** Là cường quốc về công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân và công nghệ vũ trụ.

+ 1974 chế tạo thành công bom nguyên tử

+ 1975 phóng vệ tinh nhân tạo...

- **Về đối ngoại:** thực hiện chính sách hòa bình, trung lập tích cực, là một trong những nước đề xướng phong trào không liên kết, luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước.

BÀI 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH

Câu 15: Những nét chính về đấu tranh giành độc lập của nhân dân châu Phi sau CTTG II?

- Sau CTTG II, đặc biệt là từ những năm 50 Thế kỉ XX, cuộc đấu tranh giành độc lập ở Châu Phi phát triển mạnh mẽ mở đầu là khu vực Bắc Phi sau đó lan ra các khu vực khác.

- Năm 1960, có 17 nước giành được độc lập được gọi là *Năm châu Phi*

- Năm 1975, Môdambích và Ănggôla lật đổ ách thống trị thực dân Bồ Đào Nha. Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của CNTD cũ ở Châu Phi

- Từ năm 1980, nhân dân Nam Rôđêdia và Tây Nam Phi đã giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (Apacthai), tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Dimbabuê (1980) và Cộng Hòa Namibia (1990)

- Đặc biệt năm 1993, tại Nam Phi đã chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc. Tháng 4/1994, đã tiến hành cuộc bầu cử dân chủ đa chủng tộc lần đầu tiên, Nensxon Mandêla – lãnh tụ da đen nổi tiếng đã trở thành tổng thống của Cộng Hòa Nam Phi → đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân.

Câu 16: Những nét chính về quá trình giành và bảo vệ độc lập ở khu vực Mĩ La Tinh?

- Nhiều nước ở Mỹ Latinh sớm giành độc lập từ đầu thế kỉ XIX, nhưng sau đó lệ thuộc Mĩ
- Sau CTTG II, cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển. Tiêu biểu là thắng lợi của cách mạng Cu Ba do Phiden Caxtorô lãnh đạo vào 1/1959.
- Dưới ảnh hưởng của cách mạng Cuba, phong trào chống Mĩ và chế độ độc tài thân Mĩ diễn ra sôi nổi ở nhiều nước trong thập kỷ 60 – 70: Vê-nê-xuê-la, Goatê-ma-la, Côm-bô-đi-a, Pê-ru, Ni-ca-ra-goa...
- **Kết quả:** chính quyền độc tài nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập → Mĩ Latinh là “lục địa bùng cháy”

BÀI 6: NƯỚC MĨ

Câu 17: Trình bày sự phát triển kinh tế, khoa học – kỹ thuật của Mỹ sau chiến tranh thế giới lần thứ II? Nguyên nhân của sự phát triển đó?

* **Kinh tế:** Sau CTTG II, kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.

- CN: sản lượng chiếm hơn 56% sản lượng công nghiệp thế giới (1948).
 - NN: sản lượng bằng 2 lần của Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật Bản cộng lại.
 - Nắm 3/4 dự trữ vàng thế giới và 50% số tàu bè đi lại trên biển.
 - Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới
- Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất, là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

* **Nguyên nhân:**

- Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào, trình độ KHKT cao, năng động, sáng tạo.
- Mĩ không bị chiến tranh tàn phá, lợi dụng chiến tranh để làm giàu từ buôn bán vũ khí.
- Áp dụng thành công tiến bộ KHKT nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh và điều chỉnh hợp lý cơ cấu nền kinh tế
- Các tổ hợp công nghiệp - quân sự, các công ty, tập đoàn tư bản lũng đoạn Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh lớn và có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước.
- Các chính sách và biện pháp điều tiết của Nhà nước đóng vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

* **KHKT:** Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại và đạt nhiều thành tựu: Chế tạo công cụ mới (Máy tính tự động...), Vật liệu mới (Polime, vật liệu tổng hợp...), Năng lượng mới (Năng lượng nguyên tử, nhiệt hạch...), Chinh phục vũ trụ (Đưa người lên mặt trăng...), Đi đầu cuộc “CM xanh” trong NN.

Câu 18: Nêu những nét chính trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ 1945 - 2000?

Sau CTTG II, Mĩ thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm mưu đồ thống trị thế giới.

* **Mục tiêu:**

- Chống hệ thống XHCN.

- Đẩy lùi PT GPDT, PT công nhân, PT hoà bình dân chủ trên thế giới.

- Không chế, chi phối các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mỹ.

*** Thủ đoạn:**

- Khởi xướng cuộc Chiến tranh lạnh

- Tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, bạo loạn, đảo chính, tiêu biểu là cuộc chiến tranh xâm lược VN kéo dài hơn 20 năm (1954 – 1975).

- Sau Chiến tranh lạnh, chính quyền Tổng thống Clinton đề ra chiến lược “Cam kết và Mở rộng” với 3 mục tiêu:

+ Bảo đảm an ninh của Mỹ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mỹ

+ Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác

→ Mục tiêu bao trùm của Mỹ là muốn thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”, trong đó Mỹ là siêu cường duy nhất, lãnh đạo thế giới.

BÀI 7: TÂY ÂU

Câu 19: Vì sao nói Tây Âu là một trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới ở nửa sau thế kỉ XX?

- Tây Âu bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Tới khoảng 1950, kinh tế Tây Âu được khôi phục

- Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70, kinh tế Tây Âu ổn định và phát triển nhanh chóng. Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, có trình độ KHKT cao.

*** Nguyên nhân phát triển:**

- Áp dụng thành tựu KHKT hiện đại

- Nhà nước có vai trò rất lớn trong quản lý, điều tiết nền kinh tế.

- Tận dụng tốt cơ hội bên ngoài như viện trợ Mỹ, giá nguyên liệu rẻ từ các nước thế giới thứ ba, hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ của EC...

Câu 20: Trình bày nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại các nước Tây Âu nửa sau thế kỉ XX?

- Những năm đầu sau CTTG II: Tây Âu tiến hành chiến tranh tái chiếm thuộc địa, nhưng thất bại

- Trong chiến tranh lạnh: Tây Âu liên minh chặt chẽ với Mỹ (Anh, Đức, Italia)

- Tây Âu gia nhập khối liên minh quân sự Bắc Đại Dương (NATO – 4/1949) nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN, đứng về phía Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, ủng hộ Ixaren trong các cuộc chiến tranh Trung Đông. Tuy nhiên có lúc quan hệ giữa Tây Âu và Mỹ cũng “trục trặc” (nhất là giữa Pháp – Mỹ)

- 8/1975, các nước Tây Âu ký định ước Henxinki về an ninh và hợp tác Châu Âu, tình hình căng thẳng ở Châu Âu dịu đi rõ rệt.

Câu 21: Những nét chính về sự ra đời và quá trình phát triển của Liên minh Châu Âu (EU)?

*** Sự ra đời và quá trình phát triển:**

- Năm 1951, 6 nước Tây Âu (Pháp, Đức, Bỉ, Ý, Hà Lan, Lucxămbua) thành lập “Cộng đồng than - thép châu Âu”
- Năm 1957, 6 nước này ký Hiệp ước Rôma, thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” (EEC)
- Năm 1967, 3 tổ chức trên hợp nhất thành “Cộng đồng châu Âu” (EC)
- Tháng 12/1991 các nước thành viên kí HU Maxtrich
- Từ tháng 1/1993, đổi tên thành “Liên minh Châu Âu” (EU) với 15 nước thành viên, đến năm 2007, EU có 27 nước thành viên.
- 3/1995 bảy nước EU hủy bỏ sự kiểm soát việc đi lại qua biên giới của nhau.
- 1/1/1999 đồng Euro được phát hành, đến tháng 1/2002, được sử dụng chính thức.
- * **Mục tiêu:** hợp tác, liên minh chặt chẽ về kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
- * **Thành tựu:**
 - Đến cuối thập kỉ 90 liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết kinh tế, chính trị lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới. Từ tháng 1/2002, các nước EU đã sử dụng đồng tiền chung là Ôrô (EURO).
 - 1990 quan hệ EU – VN được thiết lập
 - 7/1995 EU – VN kí hiệp định hợp tác toàn diện

BÀI 8: NHẬT BẢN

Câu 22: Sự phát triển thần kỳ của nền kinh tế, KHKT Nhật Bản và những nguyên nhân của nó:

- * **Kinh tế:** Từ 1 nước bại trận trong CTTG II, Nhật Bản ra sức phát triển kinh tế và đạt được những thành tựu to lớn, được thế giới đánh giá là “thần kì”
 - Từ năm 1952 đến 1973, kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao liên tục (1960 – 1969, tốc độ tăng trưởng bình quân là 10,8%)
 - 1968, Nhật vươn lên hàng thứ 2 thế giới (sau Mỹ). Trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.
- * **KHKT:**
 - Nhật Bản coi trọng giáo dục và KHKT.
 - KHKT tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng (tivi, tủ lạnh, ô tô...), đóng tàu chở dầu 1 triệu tấn, xây cầu đường bộ dài 9.4 km nối hai đảo Hôn-su và Sicô-cu...
- * **Nguyên nhân của sự phát triển:**
 - Con người được đào tạo chu đáo, có ý thức tổ chức kỉ luật, được trang bị kiến thức và nghiệp vụ, cần cù, tiết kiệm, ý thức cộng đồng cao... con người được xem là vốn quý, nhân tố quyết định hàng đầu.
 - Vai trò quản lý, lãnh đạo có hiệu quả của Nhà nước
 - Sự năng động, tầm nhìn xa, sự quản lí có hiệu quả và sức cạnh tranh cao của các công ty
 - Áp dụng các thành tựu KH-KT nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành
 - Chi phí quốc phòng thấp (không quá 1% GDP).

- Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như viện trợ Mỹ, chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam để làm giàu.

Câu 23: Những nét chính về cải cách dân chủ và chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

*** Chính sách Đối ngoại:**

- Liên minh chặt chẽ với Mĩ
- 9/1951, Nhật Bản kí hiệp ước hoà bình Xan Phranxixcô và hiệp ước An ninh Mĩ – Nhật. Sau này, hiệp ước An Ninh được gia hạn nhiều lần và 1996 kéo dài vĩnh viễn
- Sau chiến tranh lạnh, Nhật Bản cố gắng tự chủ hơn trong đối ngoại, mở rộng quan hệ với Tây Âu, chú trọng quan hệ với Châu Á và Đông Nam Á
- Ngày nay, Nhật Bản nỗ lực vươn lên thành 1 cường quốc chính trị tương xứng với sức mạnh kinh tế (đề nghị mở rộng số thành viên để trở thành uỷ viên thường trực hội đồng bảo an Liên hợp quốc).

BÀI 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Câu 24: Thế nào là chiến tranh lạnh? Hãy nêu và phân tích những sự kiện dẫn tới tình trạng chiến tranh lạnh giữa 2 phe TBCN và XHCN?

Sau chiến tranh Thế giới II, quan hệ đồng minh giữa Liên Xô và Mĩ nhanh chóng chuyển sang thế đối đầu và đi tới tình trạng chiến tranh lạnh. Đó là do sự đối lập nhau về mục tiêu và chiến lược của hai cường quốc. Mỹ hết sức lo ngại trước thắng lợi của cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu và sự thành công của cách mạng Trung Quốc.

Chiến tranh lạnh là chính sách thù địch, căng thẳng trong quan hệ giữa Mỹ và các nước phương Tây với Liên Xô và các nước XHCN

*** Những sự kiện đưa tới Chiến tranh lạnh:**

- Phía Mĩ:

- + 12/3/1947, Mĩ công bố học thuyết Truman, khẳng định sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mĩ.
- + 6/1947, Mĩ thông qua kế hoạch Mácsan: viện trợ kinh tế, quân sự cho Tây Âu → tạo nên sự đối lập về kinh tế, chính trị giữa các nước Tây Âu TBCN với các nước Đông Âu XHCN
- + 4/1949, Mĩ thành lập Tổ chức hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

- Phía Liên Xô:

- + 1/1949 LX và Đông Âu thành lập hội đồng tương trợ Kinh Tế (SEV)
 - + 5/1955 thành lập tổ chức Hiệp ước phòng thủ Vácsava
- Cục diện 2 phe, 2 cực được xác lập, chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới.

Câu 25: Hãy nêu và phân tích những sự kiện chứng tỏ xu thế hòa hoãn giữa 2 phe TBCN và XHCN?

- Ngày 9/11/1972, Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức đã ký Hiệp định về những cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức

- Năm 1972, Xô - Mĩ đã ký Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và hiệp định hạn chế vũ khí tiên công chiến lược (SALT – 1)

- Tháng 8/1975, 33 nước châu Âu cùng với Mỹ và Canada ký kết Định ước Henxinki khẳng định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các nước và tạo nên một cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hoà bình, an ninh ở châu Âu.

+ Tháng 12/1989, tại đảo Manta (Địa Trung Hải) tổng thống LX M.Goócbachốp và tổng thống Mỹ G.Busơ (cha) tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh .

*** Nguyên nhân chấm dứt Chiến tranh lạnh:**

- Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn 40 năm làm cho hai nước LX và Mĩ suy giảm nhiều mặt.
 - Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật và Tây Âu → đặt ra nhiều khó khăn và thách thức đối với Xô - Mĩ.

- Kinh tế Liên Xô lâm vào tình trạng trì trệ khủng hoảng.
 → Hai cường quốc cần phải thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và phát triển.

* Chiến tranh lạnh chấm dứt mở ra những điều kiện để giải quyết các tranh chấp, xung đột bằng con đường hòa bình.

Câu 26: Những xu thế phát triển của thế giới sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt ?

- Trật tự thế giới 2 cực tan rã. Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành và ngày càng theo xu thế đa cực với sự vươn lên của Mĩ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Nga và Trung Quốc.

- Các quốc gia hầu như đều điều chỉnh chiến lược, tập trung vào phát triển kinh tế.
 - Lợi dụng lợi thế tạm thời do LX tan rã, Mỹ ra sức thiết lập thế giới “đơn cực” để làm bá chủ toàn cầu, nhưng trong so sánh lực lượng giữa các cường quốc, Mỹ không dễ dàng có thể thực hiện được tham vọng đó.

- Sau chiến tranh lạnh, tuy hòa bình được củng cố, song những cuộc nội chiến, xung đột quân sự vẫn diễn ra ở nhiều nơi như bán đảo Bancăng, châu Phi và Trung Á. Vụ khủng bố 11/9/2001 ở Mỹ đã gây ra những khó khăn, thách thức mới đối với hoà bình, an ninh của các dân tộc.

BÀI 10: CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX

Câu 27: Nguồn gốc, đặc điểm của cuộc cách mạng KH – công nghệ trong nửa sau TK XX?

* **Nguồn gốc:** Xuất phát từ đòi hỏi cuộc sống, của SX nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người

*** Đặc điểm:**

- Đặc điểm lớn nhất là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
 - Khoa học đi trước, mở đường cho kĩ thuật và kỹ thuật lại mở đường cho sản xuất, trở thành nguồn gốc của mọi tiến bộ kĩ thuật và công nghệ.
 - Từ những năm 70, cuộc cách mạng chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực công nghệ, gọi là cuộc cách mạng khoa học công nghệ

Câu 28: Thế nào là xu thế toàn cầu hóa? Những biểu hiện và tác động của xu thế toàn cầu hóa?

Từ những năm 80 của thế kỉ XX, xu thế toàn cầu hóa xuất hiện. Đó là, quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những tác động ảnh hưởng, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

*** Biểu hiện:**

- Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế
- Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn
- Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực (như IMF, EU, NAFTA, APEC, ASEAN...)

*** Tác động:**

- **Tích cực:** Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế ...

- **Tiêu cực:** Làm trầm trọng thêm bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu – nghèo trong từng nước và giữa các nước; làm cho mọi mặt hoạt động và đời sống con người kém an toàn; tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm nền độc lập tự chủ của các quốc gia.

→ Toàn cầu hóa vừa là thời cơ, là cơ hội rất lớn cho các nước phát triển mạnh mẽ, đồng thời cũng tạo ra những thách thức to lớn, nhất là đối với các nước đang phát triển.

LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 12. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 - 1925

Câu 1 : Trình bày hoàn cảnh, nội dung của cuộc khai thác thuộc địa của Pháp ở Đông Dương. Những tác động về kinh tế, xã hội của Việt Nam sau chương trình khai thác như thế nào?

*** Hoàn cảnh**

- Sau CTTG I, Pháp là nước thắng trận nhưng bị thiệt hại nặng nề. Để bù đắp những thiệt hại trong chiến tranh, khôi phục địa vị của Pháp trong thế giới tư bản, chính quyền Pháp đẩy mạnh bóc lột trong nước, tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần 2 ở Đông Dương, chủ yếu là Việt Nam.

*** Nội dung chương trình khai thác:**

Tư bản Pháp đã tăng cường đầu tư vốn với quy mô lớn, tốc độ nhanh vào các ngành kinh tế (Số vốn đầu tư lên đến 4 tỉ Phơ-răng trong vòng 6 năm từ 1924 - 1929).

- **NN:** Là ngành có số vốn đầu tư nhiều nhất, chủ yếu là cho đồn điền cao su, diện tích đồn điền cao su mở rộng, nhiều công ty cao su mới ra đời.

- **CN:** Pháp chú trọng đầu tư khai thác mỏ than, đầu tư thêm vào khai thác thiếc, kẽm, sắt....mở mang một số ngành công nghiệp chế biến: dệt, rượu, muối, xay xát...

- **TN:** Ngoại thương có bước phát triển mới, giao lưu nội địa được đẩy mạnh.

- **GTVT:** được phát triển, đô thị được mở rộng, dân cư đông hơn

- **Tài chính:** Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương. Pháp thi hành biện pháp tăng thuế.

*** Tác động về kinh tế:**

- Kinh tế tư bản Pháp ở Đông Dương có bước phát triển mới: kỹ thuật và nhân lực được đầu tư. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam phát triển mất cân đối, lạc hậu, lệ thuộc vào nền kinh tế Pháp.

* **Tác động về xã hội** : Do tác động của chính sách khai thác thuộc địa, các giai cấp ở Việt Nam có những chuyển biến mới:

- Giai cấp địa chủ phong kiến tiếp tục phân hóa: một bộ phận không nhỏ tiểu, trung địa chủ tham gia phong trào dân tộc dân chủ chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp nông dân: bị đế quốc và phong kiến tước đoạt ruộng đất, bị bần cùng hoá, mâu thuẫn gay gắt với đế quốc Pháp và phong kiến tay sai, đây là lực lượng cách mạng đông đảo và hăng hái nhất.

- Giai cấp tư sản: số lượng ít, thế lực yếu, bị phân hóa thành tư sản mại bản và tư sản dân tộc. Bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam có khuynh hướng dân tộc dân chủ.

- Giai cấp tiểu tư sản: tăng nhanh về số lượng, nhạy bén với thời cuộc, có tinh thần chống thực dân Pháp và tay sai.

- Giai cấp công nhân: ngày càng phát triển, bị nhiều tầng áp bức, bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, có tinh thần yêu nước mạnh mẽ, sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu CMVS nên đã nhanh chóng vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng.

→ Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng sâu sắc, chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

Câu 2: Trình bày phong trào DTDC ở VN từ 1919-1925

- Phong trào của giai cấp tư sản dân tộc

+ 1919, Phong trào chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá

+ 1923, Chống độc quyền thương cảng Sài Gòn và xuất khẩu lúa gạo ở Nam kỳ của tư bản Pháp

+ 1923, Thành lập Đảng Lập Hiến để tập hợp lực lượng đấu tranh đòi tự do, dân chủ

- Phong trào của tiểu tư sản tri thức: Sôi nổi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ:

+ Thành lập nhiều tổ chức chính trị như: Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh Niên.

+ Ra một số tờ báo như Chuông Rè, An Nam trẻ, Người nhà quê để đấu tranh đòi tự do dân chủ.

+ Thành lập nhà xuất bản như Nam đồng thư xã, Cường học thư xã... phát hành các loại sách báo tiến bộ

+ Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bội Châu (1925) và đám tang cụ Phan Chu Trinh (1926).

- **Hoạt động của công nhân:** Các cuộc đấu tranh của công nhân ngày càng nhiều hơn, tuy nhiên còn lẻ tẻ và tự phát

+ Năm 1920, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập Công hội đỏ (bí mật) do Tôn Đức Thắng đứng đầu.

+ Tháng 8/1925, công nhân xưởng đóng tàu Ba Son đã bãi công phản đối Pháp chở quân sang đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân TQ → đánh dấu bước chuyển biến mới của phong trào Công nhân từ tự phát sang tự giác.

Câu 3: Trình bày quá trình hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến năm 1930? Hãy cho biết công lao to lớn nhất của Người đối với dân tộc VN?

*** Quá trình tìm đường cứu nước**

- Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành với tên gọi mới là Văn Ba đã rời cảng Nhà Rồng trên con tàu vận tải La-tus-trê-vin để sang các nước phương Tây.

- Từ 1911 đến 1917, Người đến nhiều nước ở Châu Phi, Châu Mỹ và đến cuối năm 1917 Người trở về Pháp và gia nhập Đảng xã hội Pháp (1919).

- Tháng 6/1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người VN yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Vec-xai “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” đòi Chính phủ Pháp thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng của dân tộc VN.

- Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin. Người quyết tâm đi theo con đường của CM Tháng Mười Nga – con đường CMVS.

- Tháng 12/1920, tại Đại hội Đảng xã hội Pháp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III, tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp, Người trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên.

*** Người chuẩn bị về chính trị, tư tưởng:**

- Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra Hội Liên hiệp thuộc địa ở Pháp, ra báo “Người cùng khổ” để vạch trần tội ác của CNDQ. Ngoài ra còn viết bài cho các báo “Nhân đạo”, “Đời sống công nhân... và viết cuốn “Bản án chế độ thực dân Pháp”...

- Năm 1923, Người đi Liên Xô dự Hội nghị Quốc tế nông dân và ở lại làm việc tại Quốc tế III, viết bài cho báo Sự thật, Tạp chí thư tín Quốc tế...

- Năm 1924, Người dự Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ V.

- Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc về Quảng Châu (TQ), chuẩn bị cho việc truyền bá CN Mác - Lênin vào VN.

*** Công tác tuyên truyền lý luận, chuẩn bị về mặt tổ chức để thành lập Đảng cộng VN (1925 – 1930)**

- Tháng 6/1925 Người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

- Cho xuất bản tờ báo Thanh niên làm cơ quan tuyên truyền của Hội (21/6/1925).

- Năm 1927 Xuất bản tác phẩm Đường cách mệnh.

- Năm 1928 thực hiện chủ trương Vô sản hóa để đẩy nhanh quá trình thành lập Đảng.

- Ngày 6/1/1930 trước sự ra đời của Ba tổ chức Cộng sản hoạt động độc lập. Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị thống nhất 3 tổ chức thành ĐCSVN.

*** Công lao to lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc:**

- Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc – con đường CMVS – đây là công lao đầu tiên và to lớn nhất.

- Chuẩn bị về tư tưởng chính trị và tổ chức cho việc thành lập chính đảng vô sản ở VN.

- Sáng lập ĐCSVN, tổ chức và lãnh đạo CMVN đi đến thắng lợi.

Bài 13: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 - 1930

Câu 4: Trình bày hoàn cảnh ra đời, hoạt động và ý nghĩa của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

*** Hoàn cảnh ra đời:**

- Tháng 11/1924, Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc) liên lạc với những người Việt Nam yêu nước trong tổ chức Tâm tâm xã.

- Tháng 2/1925, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn một số thanh niên Việt Nam tích cực lập ra tổ chức “Cộng sản đoàn”.

- Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, cơ quan cao nhất là Tổng bộ.

*** Hoạt động : (Truyền bá CN Mác - Lênin vào VN)**

- Ngày 21/6/1925 xuất bản báo Thanh niên – cơ quan ngôn luận của Hội.

- Đầu năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã tập hợp những bài giảng trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu và in thành tác phẩm “Đường Kách mệnh”.

→ Tác phẩm “Đường Kách mệnh” và báo Thanh Niên đã trang bị lý luận CMGPDT cho cán bộ, hội viên để tuyên truyền và phổ biến CN Mác-Lênin vào giai cấp VS.

- Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “Vô sản hoá” đưa hội viên thâm nhập vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền...tiến hành tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân.

- Sự truyền bá CN Mác-Lênin đã khiến cho PTCN VN từ năm 1928 trở đi có những chuyển biến rõ rệt về chất, tạo điều kiện cho sự ra đời của ba tổ chức cộng sản ở VN năm 1929.

Câu 5: Trình bày sự thành lập, hoạt động của VNQDD? Ý nghĩa và nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái?

*** Sự ra đời:**

- Trên cơ sở hạt nhân là Nam Đồng thư xã, ngày 25/12/1927 Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính thành lập VNQDD.

- Đây là tổ chức đại diện cho TS dân tộc theo khuynh hướng CMDCTS.

*** Tôn chỉ mục đích:**

- Lúc mới thành lập chưa có cương lĩnh rõ ràng

- Năm 1928 và năm 1929, hai lần thay đổi chủ nghĩa.

- Chủ trương tiến hành cách mạng bằng bạo lực.

*** Hoạt động:**

- Cơ sở của VNQDD trong quần chúng rất ít

- Địa bàn hoạt động bó hẹp, chủ yếu ở một số địa phương Bắc kỳ

- Tổ chức vụ ám sát trùm mộ phu Badanh (2/1929)

- Tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái: bắt đầu ở Yên Bái (9/2/1930), tiếp theo là Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình, nhưng nhanh chóng thất bại.

*** Nguyên nhân thất bại:**

- VNQDD chưa có Cương lĩnh rõ ràng, thành phần ô hợp, không tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia.

- Khởi nghĩa bị động, không chuẩn bị kỹ càng, thực dân Pháp còn đủ mạnh để đàn áp.

*** Ý nghĩa:** cổ vũ lòng yêu nước, chí căm thù giặc của nhân dân. Nổi tiếp tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc VN.

Câu 6: Trình bày hoàn cảnh, quá trình ra đời của Ba tổ chức cộng sản ở VN, ý nghĩa lịch sử và những hạn chế của ba tổ chức này?

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

- Đến cuối năm 1929 PTCN, nông dân và các tầng lớp khác phát triển mạnh mẽ, kết thành làn sóng dân tộc ngày càng sâu rộng → yêu cầu cần phải có chính Đảng lãnh đạo.

- Tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Hội VNCOMTN ở Bắc kỳ lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở số nhà 5D Hàm Long (Hà Nội).

*** Quá trình thành lập**

- **Đông Dương Cộng Sản Đảng:** Tháng 5/1929, tại Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội VNCOMTN (Hương Cảng – TQ), đoàn đại biểu Bắc kỳ đã đưa ra đề nghị thành lập ĐCS nhưng không được chấp nhận. Ngày 17/6/1929, đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền Bắc đã họp và quyết định thành lập Đông Dương Cộng Sản Đảng.

- **An Nam Cộng Sản Đảng:** Tháng 8/1929, các hội viên tiên tiến của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên ở Tổng bộ và kỳ bộ ở Nam kỳ quyết định thành lập An Nam Cộng Sản Đảng.

- **Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn:** Tháng 9/1929, Đảng viên tiên tiến của Tân Việt thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

*** Ý nghĩa:** Phản ánh xu thế phát triển tất yếu, là kết quả tất yếu của cuộc vận động GPDT ở VN.

*** Hạn chế:** Trong quá trình tuyên truyền vận động quần chúng, các tổ chức này hoạt động riêng rẽ, đã tranh giành, công kích lẫn nhau, gây nên tình trạng thiếu thống nhất, đẩy CMVM đứng trước nguy cơ bị chia rẽ.

Câu 7: Hội nghị thành lập ĐCSVN (hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa)

*** Hoàn cảnh lịch sử**

- Năm 1929, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân, tiểu tư sản và các tầng lớp nhân dân yêu nước phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ của một chính đảng duy nhất.

- Trong năm 1929, ba tổ chức cộng sản ra đời hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau, gây nên tình trạng thiếu thống nhất, đẩy CMVN đứng trước nguy cơ bị chia rẽ.

- Yêu cầu bức thiết của CMVN là phải có một ĐCS thống nhất trong cả nước. Trước tình hình trên Nguyễn Ái Quốc từ Thái Lan trở về Hương Cảng triệu tập Hội nghị họp nhất ba tổ chức cộng sản.

- Ngày 6/1/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng – TQ), Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản.

*** Nội dung hội nghị:**

- Nguyễn Ái Quốc phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức Cộng sản và nêu chương trình hội nghị.

- Hội nghị nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản thành một ĐCS duy nhất, lấy tên là ĐCSVN.

- Hội nghị thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Đó là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

*** Nội dung của cương lĩnh chính trị đầu tiên**

- Xác định đường lối chiến lược CMVN là tiến hành cuộc CMTS dân quyền và CM thổ địa để đi tới XH cộng sản.

- Nhiệm vụ: đánh đổ ĐQ Pháp, bọn PK, TS phản CM để làm cho nước VN độc lập.

- Lực lượng CM: công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức; còn phú nông, trung và tiểu địa chủ và TS thì lợi dụng hoặc trung lập, đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới .

- Lãnh đạo CM: ĐCSVN, đội tiên phong của giai cấp VS.

→ Đây là cương lĩnh GPDT sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và giai cấp. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

*** Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam**

- Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp.
- Là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với PTCN và phong trào yêu nước VN.
- Đảng ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN:
 - + Đảng trở thành Đảng duy nhất lãnh đạo CMVN
 - + Từ đây, CMVN có đường lối đúng đắn, khoa học, sáng tạo.
 - + Là bước chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của CMVN
 - + CMVN trở thành một bộ phận của CMTG.

* Đại hội lần III (9/1960) quyết định lấy ngày 3/2 hàng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

*** Công lao của Nguyễn Ái Quốc trong hội nghị thành lập Đảng:**

- Triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng
- Phê phán các quan điểm sai lầm và hoạt động riêng lẻ của các tổ chức cộng sản, thống nhất các tổ chức cộng sản thành chính đảng duy nhất lấy tên ĐCSVN.
- Thông qua chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt, được xem là cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930 - 1935

Câu 8: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933 đã tác động đến tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam như thế nào?

* **Tình hình kinh tế:** Từ năm 1930, kinh tế VN bắt đầu suy thoái.

- NN: giá lúa, giá nông phẩm hạ, ruộng đất bị bỏ hoang.
- CN: các ngành suy giảm.
- TN: xuất nhập khẩu đình đốn, hàng hoá khan hiếm, giá cả tăng vọt.

* **Tình hình xã hội:**

- Công nhân thất nghiệp ngày càng đông, số người có việc làm thì tiền lương ít ỏi.
- Nông dân mất đất, phải chịu sưu cao, thuế nặng, bần cùng hoá và phá sản trên quy mô lớn.
- TTS, TS dân tộc gặp nhiều khó khăn.

→ Mâu thuẫn xã hội ngày càng sâu sắc: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc VN với ĐQ Pháp; mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ...

* Mặc khác, Pháp tiến hành khủng bố dã man những người yêu nước, nhất là sau khi cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

→ Phong trào 1930 – 1931 bùng nổ

Câu 9: Trình bày nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa của phong trào cách mạng 1930 – 1931?

* **Nguyên nhân**

- Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và chính sách vơ vét bóc lột của thực dân Pháp đẩy nhân dân ta vào cảnh bần cùng.

- Sau khởi nghĩa Yên Bái, Pháp tiến hành khủng bố dã man những người yêu nước → Mâu thuẫn xã hội giữa nhân dân ta với ĐQ – PK thêm gay gắt.

- Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa mới ra đời đã nhanh chóng nắm bắt tình hình và kịp thời lãnh đạo giai cấp công – nông cùng các tầng lớp lao động vùng lên đấu tranh chống ĐQ – PK.

*** Diễn biến**

- Từ tháng 2 đến tháng 4/1930, nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của công nhân, nông dân trong cả nước.

- 1/5/1930 nhân ngày Quốc tế lao động, nhiều cuộc đấu tranh bùng nổ trên phạm vi cả nước

- Trong các tháng 6,7,8 phong trào tiếp tục diễn ra sôi nổi trong cả nước.

- Sang tháng 9 phong trào đấu tranh dâng cao, nhất là ở Nghệ An, Hà Tĩnh:

+ Những cuộc biểu tình của nông dân kéo đến huyện lỵ đòi giảm sưu thuế được công nhân Vinh – Bến Thủy hưởng ứng.

+ Tiêu biểu là cuộc biểu tình của 8000 nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) vào ngày 12/9/1930 kéo đến huyện lỵ phá nhà lao, đốt huyện đường, vây lính khố xanh...

*** Kết quả:**

- Hệ thống chính quyền thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, tan rã.

- Các tổ chức Đảng ở địa phương đã lãnh đạo quần chúng tự đứng ra quản lý đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, hoạt động theo kiểu các tổ chức Xô Viết.

*** Ý nghĩa lịch sử của phong trào 1930-1931**

- Khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo giai cấp công nhân đối với CMĐD.

- Từ phong trào khối liên minh công - nông được hình thành

- PTCM 1930 - 1931 ở VN được đánh giá cao trong PT cộng sản và công nhân quốc tế. Quốc tế cộng sản đã công nhận ĐCSĐD là bộ phận độc lập, trực thuộc Quốc tế Cộng sản

→ Phong trào có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

*** Bài học kinh nghiệm :** Phong trào đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công – nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh...

Câu 10: Chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh thành lập như thế nào? Hoạt động và ý nghĩa của chính quyền này?

*** Sự thành lập:**

- Từ tháng 9/1930 phong trào cách mạng ở Nghệ An – Hà Tĩnh phát triển đến đỉnh cao → chính quyền địch bị tê liệt tan rã.

- Trước tình hình đó Đảng lãnh đạo quần chúng thành lập các Xô Viết (Nghệ An – 9/1931, Hà Tĩnh – cuối năm 1930).

*** Hoạt động của chính quyền Xô viết :**

- **Chính trị:** Thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thành lập đội tự vệ mà nòng cốt là tự vệ đỏ, lập tòa án nhân dân.

- **Kinh tế:** Tịch thu ruộng đất công chia cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế.

- **Văn hóa - xã hội:** Xoá bỏ tệ nạn mê tín dị đoan, xây dựng đời sống mới .

→ Chính quyền Xô Viết đã đem lại lợi ích cho nhân dân, chứng tỏ tính ưu việt của một chính quyền mới: chính quyền của dân, do dân và vì dân → Xô Viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

Câu 11: Trình bày hoàn cảnh lịch sử, nội dung và hạn chế của Luận cương tháng 10/1930?

* **Hoàn cảnh lịch sử:** Giữa lúc PTCM của quần chúng diễn ra quyết liệt, BCH TW lâm thời ĐCSVN họp ở Hương Cảng vào tháng 10/1930

* **Nội dung:**

- Hội nghị quyết định đổi tên ĐCSVN thành ĐCSĐD
- Bầu BCH TW chính thức do đồng chí Trần Phú làm Tổng bí thư
- Thông qua Luận cương chính trị do Trần Phú khởi thảo

* **Nội dung cơ bản Luận cương chính trị:**

- Đường lối chiến lược và sách lược của CMĐD: Lúc đầu là CMTS dân quyền, sau đó tiếp tục phát triển, bỏ qua thời kỳ TBCN, tiến thẳng lên con đường XHCN.

- Nhiệm vụ CM: đánh đổ PK, đánh đổ ĐQ. Hai nhiệm vụ chiến lược này có quan hệ khăng khít nhau.

- Lực lượng CM: giai cấp VS và nông dân.
- Lãnh đạo CM: giai cấp VS với đội tiên phong của nó là ĐCS.
- Luận cương chính trị cũng nêu rõ hình thức và phương pháp đấu tranh.
- Mối quan hệ: CMĐD là một bộ phận của CMTG.

* **Hạn chế của luận cương:**

- Chưa nêu được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Đông Dương, không đưa ngọn cờ dân tộc lên hàng đầu mà nặng về đấu tranh giai cấp.

- Đánh giá không đúng khả năng cách mạng của tiểu tư sản, tư sản dân tộc, khả năng lôi kéo bộ phận trung, tiểu địa chủ.

Câu 12: So sánh Cương lĩnh tháng 2/1930 với Luận cương tháng 10/1930?

| Nội dung so sánh | Cương lĩnh(2/1930) | Luận cương (10/1930) |
|---------------------------------------|--|--|
| Chiến lược sách lược cách mạng | Tiến hành “TS dân quyền CM và thổ địa CM để đi tới XH cộng sản”. | CMĐD lúc đầu là CMTS dân quyền, sau đó tiến thẳng lên XHCN, bỏ qua thời kỳ TBCN. |
| Nhiệm vụ | Đánh đổ ĐQ Pháp, phong kiến và TS phản CM. | Đánh PK và đánh ĐQ là hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít. |
| Lực lượng | Công + nông + TTS + trí thức, còn phú nông, trung, tiểu địa chủ và TS thì lợi dụng hoặc trung lập. | Giai cấp công nhân và nông dân. |
| Lãnh đạo | ĐCSVN, đội tiên phong của giai cấp VS giữ vai trò lãnh đạo. | Giai cấp VS với đội tiên phong là ĐCS |
| Quan hệ với cách mạng Thế giới | CMVN là một bộ phận khăng khít của CMTG, liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới. | CMĐD là một bộ phận của CMTG. |

BÀI 15: PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939

Câu 13: Tình hình thế giới và trong nước sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933?

*** Tình hình thế giới**

- Những năm 30 của thế kỷ XX các thế lực phát xít cầm quyền ở một số nước Đức, Ý, Nhật ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị gây chiến tranh phân chia lại thế giới.

- Đứng trước nguy cơ đó, Đại hội VII của Quốc tế cộng sản (7/1935) xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là CNPX và đề ra chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân để chống CNPX và nguy cơ chiến tranh.

- Năm 1936, Mặt trận nhân dân Pháp do Đảng xã hội làm nòng cốt được nhân dân ủng hộ đã lên cầm quyền. Chính phủ mới này đã thực hiện nới rộng quyền tự do dân chủ cho các nước thuộc địa.

*** Tình hình trong nước**

Chính trị:

- Chính phủ Pháp cử phái viên sang điều tra tình hình thuộc địa ở ĐĐ, cử Toàn quyền mới, nới rộng quyền tự do dân chủ.

- Ở VN, nhiều Đảng phái hoạt động, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Nhưng ĐCSĐĐ hoạt động mạnh nhất.

Kinh tế : Sau khủng hoảng 1929 – 1933, Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa để bù đắp thiệt hại.

- NN: chính quyền thực dân tạo điều kiện cho TB Pháp chiếm đoạt ruộng đất của nông dân lập đồn điền (lúa, cao su, cà phê...)

- CN: Pháp đẩy mạnh ngành khai mỏ; sản lượng các ngành dệt, rượu, xi măng tăng. Các ngành điện, nước, cơ khí, đường ít phát triển.

- TN: Pháp độc quyền buôn bán thuốc phiện, rượu, muối...thu lợi nhuận cao.

→ Những năm 1936 – 1939, kinh tế VN có phục hồi và phát triển, nhưng vẫn lạc hậu và lệ thuộc kinh tế Pháp.

Xã hội: Đời sống của đa số nhân dân vẫn lâm vào cảnh khó khăn, cơ cực, nên họ hăng hái tham gia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Câu 14: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung của Hội nghị BCH trung ương tháng 7/1936?

*** Hoàn cảnh lịch sử:** Căn cứ vào biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước, tháng 7/1936 Hội nghị BCH TW Đảng được triệu tập ở Thượng Hải do Lê Hồng Phong chủ trì.

*** Nội dung: Xác định**

- Nhiệm vụ chiến lược của CMTS dân quyền ĐĐ là chống ĐQ và PK.

- Nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống PX, chống chiến tranh, đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

- Kẻ thù trước mắt là thực dân phản động Pháp và tay sai.

- Hình thức đấu tranh: kết hợp hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai, nửa công khai.

- Đảng đề ra chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế ĐĐ, đến tháng 3/1938 đổi tên thành Mặt trận dân chủ ĐĐ nhằm tập hợp mọi lực lượng yêu nước, dân chủ, tiến bộ đứng lên đấu tranh chống PX, ĐQ Pháp phản động.

Câu 15: Trình bày diễn biến của phong trào dân chủ 1936 – 1939? Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của phong trào 1936 -1939?

*** Đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ, dân sinh:**

- Phong trào ĐD đại hội, Đảng vận động nhân dân thảo ra bản dân nguyện gửi tới phái đoàn của quốc hội Pháp sang điều tra tình hình ĐD, tiến tới ĐD đại hội (8/1936).

- Phong trào đón Gôđa và Brêviê năm 1937: lợi dụng sự kiện Gôđa sang điều tra tình hình và Brêviê sang nhậm chức toàn quyền ĐD, Đảng tổ chức quần chúng mítting, “đón rước”, biểu dương lực lượng, đưa yêu sách về dân sinh, dân chủ.

- Phong trào dân sinh, dân chủ trong những năm 1937 - 1939, với các cuộc mittinh, biểu tình của nhân dân vẫn diễn ra sôi nổi, đặc biệt là cuộc đấu tranh ngày 1/5/1938 ở Hà Nội và nhiều thành phố khác.

*** Ý nghĩa:**

- Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là phong trào quần chúng rộng lớn, có tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Buộc pháp phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể về dân sinh, dân chủ.

- Qua phong trào quần chúng được giác ngộ và trở thành lực lượng chính trị hùng hậu. Đội ngũ cán bộ Đảng viên trưởng thành, dày dặn kinh nghiệm.

- Đảng tích lũy được nhiều kinh nghiệm qua thực tế đấu tranh.

- Phong trào đã động viên, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đồng thời đập tan những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc với những hành động phá hoại của các thế lực phản động khác.

*** Bài học kinh nghiệm:**

- Xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất.

- Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai, hợp pháp

- Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

→ Cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tập dượt thứ hai chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám – 1945

Câu 16: So sánh phong trào cách mạng 1930 – 1931 với Phong trào cách mạng 1936 - 1939?

| Nội dung | 1930 – 1931 | 1936 – 1939 |
|----------------------------|--|---|
| Kẻ thù | Đế quốc và phong kiến | Thực dân Pháp phản động & tay sai |
| Mục tiêu (nhiệm vụ) | Độc lập dân tộc và người cày có ruộng (có tính chiến lược) | Tự do dân chủ, cơm áo, hoà bình (có tính sách lược) |
| Tập hợp lực lượng | Liên minh công – nông | Mặt trận Dân chủ ĐD, tập hợp mọi lực lượng dân chủ, yêu nước & tiến bộ. |
| Hình thức đấu tranh | Bạo lực CM, vũ trang, bí mật, bất hợp pháp: bãi công, biểu tình, đấu tranh vũ trang → lập Xô Viết Nghệ - Tĩnh. | Đấu tranh chính trị hoà bình, công khai, hợp pháp: phong trào ĐD đại hội, đấu tranh nghị trường, báo chí, bãi công, bãi thị, bãi khoá.... |
| Lực lượng tham gia | Chủ yếu là công – nông | Đông đảo các tầng lớp nhân dân, không phân biệt thành phần giai cấp, tôn giáo, chính trị. |

| | | |
|----------------------------|--|---------------------|
| Địa bàn chủ yếu | Chủ yếu ở nông thôn và các trung tâm công nghiệp | Chủ yếu ở thành thị |
|----------------------------|--|---------------------|

BÀI 16 : PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

Câu 17: Tình hình Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ II có những biến đổi như thế nào?

*** Tình hình chính trị :**

- Ngày 1/9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Pháp đầu hàng Đức, thực hiện chính sách thù địch với phong trào cách mạng thuộc địa.

- Những thủ đoạn của Pháp:

+ Tăng cường vơ vét sức người sức của để cung ứng cho chiến tranh

+ Đàn áp phong trào cách mạng VN .

- Tháng 9/1940 Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp từng bước cấu kết với Nhật để cùng thống trị nhân dân ta.

- Thủ đoạn của Nhật:

+ Giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vơ vét kinh tế phục vụ cho chiến tranh.

+ Các đảng phái thân Nhật ra sức tuyên truyền, lừa bịp về văn minh, sức mạnh Nhật Bản, thuyết Đại Đông Á, dọn đường cho Nhật hất cẳng Pháp.

- Đầu năm 1945, ở châu Âu Đức thất bại nặng nề. Ở châu Á – Thái Bình Dương, Nhật thua to. Tại Đông Dương, ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, các đảng phái chính trị ở VN tăng cường hoạt động. Quần chúng nhân dân sôi sục khí thế, sẵn sàng khởi nghĩa.

*** Tình hình kinh tế - xã hội :**

- Kinh tế:

+ Pháp: Thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy”: Tăng thuế cũ, đặt thuế mới, sa thải công nhân, giảm tiền lương, tăng giờ làm...

+ Nhật: cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thầu dầu. Yêu cầu Pháp xuất sang Nhật các nguyên liệu chiến tranh với giá rẻ. Nhật đầu tư vào những ngành phục vụ cho quân sự: man-gan, sắt.

- Xã hội:

+ Chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của Pháp và Nhật, đã đẩy nhân dân ta lâm vào cảnh khốn cùng. Cuối 1944 đầu 1945 hơn 2 triệu người chết đói .

+ Các giai cấp, tầng lớp ở nước ta đều bị ảnh hưởng bởi chính sách của Pháp – Nhật.

→ Trước những chuyển biến của tình hình thế giới, Đảng phải kịp thời đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

Câu 18: Hội nghị BCHTW Đảng (11/1939): hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa?

*** Hoàn cảnh lịch sử :**

- Trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước trong giai đoạn chiến tranh mới bùng nổ,

- Tháng 11/1939, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì đã diễn ra tại Bà Điểm – Hóc Môn.

*** Nội dung :**

- Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu trước mắt của CMĐD là: đánh đổ đế quốc tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

- Chủ trương: tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo. Lập Chính phủ dân chủ cộng hòa

- Về mục tiêu và phương pháp đấu tranh:

+ Chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đấu tranh đánh đổ đế quốc và tay sai.

+ Từ hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

- Chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

*** Ý nghĩa lịch sử:**

- Đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Đưa nhân dân ta bước vào thời kỳ trực tiếp vận động cứu nước.

Câu 19: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa của Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 8, từ ngày 10/5/1941 đến ngày 19/5/1941?

*** Hoàn cảnh lịch sử :**

- Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai ngày một lan rộng.

- Thực dân Pháp đầu hàng và liên kết với phát xít Nhật thống trị nhân dân Đông Dương làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Đông Dương với bọn Nhật – Pháp hết sức gay gắt.

- Tháng 1/1941, Nguyễn Ái Quốc đã về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến 19/5/1941

*** Nội dung :**

- Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của CM là giải phóng dân tộc

- Tạm gác khẩu hiệu “cách mạng ruộng đất” thay bằng khẩu hiệu “giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công tiến tới người cày có ruộng”, thành lập Chính phủ VNDCCH.

- Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) và giúp đỡ Lào và Campuchia thành lập mặt trận dân tộc thống nhất.

- Hội nghị xác định hình thái khởi nghĩa vũ trang là đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa, coi chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

*** Ý nghĩa**

- Hội nghị Trung ương 8 đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11/1939, nhằm giải quyết vấn đề số 1 là giải phóng dân tộc.

- Bước chuẩn bị trực tiếp cho cách mạng tháng Tám.

Câu 19: Trình bày quá trình chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

*** Xây dựng lực lượng chính trị:** Được Đảng xem là nhiệm vụ cấp bách

- Ngày 19/5/1941, Mặt trận Việt Minh chính thức thành lập bao gồm các Hội cứu quốc

- Tại Cao Bằng: Là nơi thí điểm thành lập các Hội cứu quốc:

- Đến 1942 có 3 châu ở Cao Bằng đều có Hội cứu quốc.

- Thành lập Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng, sau đó phát triển thành Ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng.

- Năm 1943, Đảng đã ra Đề cương văn hoá Việt Nam.

- Cuối năm 1944, lập Hội Văn hoá cứu quốc và Đảng dân chủ Việt Nam nằm trong lực lượng Việt Minh.

* **Xây dựng lực lượng vũ trang:** được Đảng đặc biệt coi trọng

- Sau thất bại của khởi nghĩa Bắc Sơn, theo chủ trương của Đảng, một bộ phận chuyển sang xây dựng thành những đội du kích.

- 2/1941 các đội du kích Bắc Sơn thống nhất thành Trung đội Cứu quốc quân 1, phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (7/1941 – 2/1942).

- 15/9/1941, Trung đội cứu quốc quân 2 ra đời.

* **Xây dựng căn cứ địa:** Được Đảng quan tâm

- Tại Hội nghị Trung ương 7 (11/1940) Đảng đã chọn Bắc Sơn – Vũ Nhai làm căn cứ địa.

- Sau khi Bác về nước (năm 1941), Cao Bằng được chọn làm căn cứ địa

* **Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang:**

- Tháng 2/1943 Ban thường vụ TW Đảng họp ở Võng La vạch kế hoạch cụ thể cho việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Khắp các nông thôn, thành thị Bắc kỳ, các đoàn thể Việt Minh, các hội cứu quốc được thành lập.

- Tháng 2/1944 Trung đội Cứu quốc III thành lập.

- Ở Cao Bằng các đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập.

- Năm 1943, 19 ban xung phong Nam tiến được thành lập.

- Ngày 07/5/1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp “sửa soạn khởi nghĩa”.

- Ngày 22/12/1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập. Ngay sau khi thành lập, đội đã liên tiếp giành thắng lợi: Phay Khắt, Nà Ngần.

* **Ý nghĩa:** Như vậy, từ Hội nghị Trung ương 8 đến cuối 1944 - đầu 1945, Đảng đã xây dựng và tập hợp được một lực lượng chính trị hùng hậu dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, và một lực lượng vũ trang đang trưởng thành nhanh chóng cùng một vùng căn cứ cách mạng vững chắc, sẵn sàng cho việc tiến tới một cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang giành chính quyền khi thời cơ đến.

Câu 20: Nguyên nhân, diễn biến cao trào kháng Nhật cứu nước, ý nghĩa của cao trào này?

* **Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945) - thời cơ cách mạng đến gần**

- Thế giới: Đầu năm 1945, phe phát xít liên tục thất bại nặng nề.

- Trong nước: Mâu thuẫn Nhật – Pháp gay gắt.

- Đêm 9/3/1945, Nhật nổ súng đảo chính Pháp → Pháp đầu hàng.

- Nhật tuyên bố “giúp các dân tộc Đông Dương xd nền độc lập”, dựng chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và đưa Bảo Đại làm Quốc trưởng. Thực chất là Nhật muốn độc chiếm Đông Dương

* **Chủ trương của Đảng:** Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị: “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị đã xác định:

- Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật.

- Thay khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp” bằng “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

- Hình thức đấu tranh: bất hợp tác, biểu tình thị uy, vũ trang du kích và sẵn sàng chuyển sang hình thức tổng khởi nghĩa khi có điều kiện.

- Hội nghị quyết định phát động cao trào “Kháng Nhật cứu nước”.

*** Diễn biến cao trào kháng Nhật cứu nước .**

- Ở căn cứ Cao - Bắc - Lạng, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân đã lãnh đạo quần chúng giải phóng hàng loạt các xã, châu, huyện...

- Ở Bắc kỳ, khẩu hiệu “Phá kho thóc giải quyết nạn đói” thu hút hàng triệu người tham gia.

- Ở Quảng Ngãi, tù chính trị ở nhà lao Ba Tơ nổi dậy, thành lập chính quyền cách mạng, lập đội du kích Ba Tơ.

- Ở Nam kỳ: Việt Minh hoạt động mạnh mẽ, nhất là ở Mỹ Tho, Hậu Giang.

*** Nhận xét:** - Qua cao trào kháng Nhật, lực lượng cách mạng phát triển vượt bậc. Kẻ thù hoang mang, suy yếu

- Cao trào kháng Nhật cứu nước đã tập dợt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Câu 21: Em hãy cho biết sự chuẩn bị cuối cùng cho tổng khởi nghĩa được thể hiện như thế nào?

- Từ ngày 15 đến 20/4/1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang.

- Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập uỷ ban dân tộc giải phóng VN và uỷ ban dân tộc giải phóng các cấp (4/1945).

- Tháng 6/1945 thành lập Khu giải phóng Việt Bắc và Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập.

Câu 22: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 : Thời cơ cách mạng, chủ trương, diễn biến, kết quả?

*** Nhật đầu hàng quân Đồng Minh - thời cơ cách mạng đã đến (Nguyên nhân tổng khởi nghĩa)**

*** Tình hình thế giới :**

- Ngày 9/8/1945, Hồng quân Liên Xô đã tiêu diệt đạo quân Quan Đông của Nhật tại Trung Quốc.

- Ngày 15/8/1945, Nhật chính thức đầu hàng quân Đồng Minh không điều kiện.

*** Tình hình trong nước :** Quân Nhật ở Đông Dương và chính quyền Trần Trọng Kim hoang mang cực độ.

→ Điều kiện khách quan có lợi cho tổng khởi nghĩa đã đến.

*** Chủ trương của Đảng đã nắm bắt thời cơ và phát động tổng khởi nghĩa**

- Ngày 13/8/1945, Tổng bộ Việt Minh và TW Đảng thành lập Ủy Ban khởi nghĩa, ban bố “Quân lệnh số 1”, phát lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

- Ngày 14/8 đến 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào - Tuyên Quang quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, thông qua những vấn đề đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

- Từ ngày 16 đến 17/8/1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành quyết định Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, lập Ủy Ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch

*** Diễn biến tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước**

- Chiều ngày 16/8/1945, một đơn vị giải phóng quân từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên, mở đầu cho cuộc Tổng khởi nghĩa.

- Từ ngày 14/8/1945 đến ngày 18/8/1945, 4 tỉnh đầu tiên giành được chính quyền là: Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

- Tại Hà Nội: Ngày 19/8/1945, hàng vạn nhân dân Hà Nội đánh chiếm các cơ quan đầu não của địch như: phủ Khâm Sai, toà Thị chính... khởi nghĩa thắng lợi.

- Ngày 23/8/1945, khởi nghĩa ở Huế giành thắng lợi..

- Ngày 25/8/1945, khởi nghĩa ở Sài Gòn giành thắng lợi.

- Các địa phương còn lại trong cả nước vùng lên giành chính quyền → cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công hoàn toàn trong cả nước.

Câu 23: Trình bày sự thành lập Nước VNDCCH (2/9/1945)

- Ngày 25/8/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng về đến Hà Nội.

- Ngày 28/8/1945 Ủy ban giải phóng dân tộc VN cải tổ thành Chính phủ lâm thời VNDCCH.

- Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trình trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa thành lập.

Ý nghĩa : Ngày 2/9 mãi mãi đi vào lịch sử VN là một trong những ngày Hội lớn nhất, vẻ vang nhất của dân tộc.

Câu 24: Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám/1945?

*** Nguyên nhân thắng lợi**

- **Khách quan:** Đồng Minh đánh bại chủ nghĩa phát xít mà trực tiếp là phát xít Nhật đã tạo ra một thời cơ thuận lợi để nhân dân ta đứng lên giành chính quyền nhanh chóng và ít thiệt hại .

- Chủ quan:

+ Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước sâu sắc, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất VN vì vậy, khi Đảng và mặt trận VM phát cao ngọn cờ cứu nước, thì toàn dân nhất tề đứng lên để cứu nước.

+ Do sự lãnh đạo đúng đắn, tài tình của Đảng và Bác Hồ:

+ Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, đúc rút được nhiều bài học kinh nghiệm nhất là về xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ địa. ...

+ Trong những ngày khởi nghĩa toàn dân nhất trí, đồng lòng, quyết tâm cao, các cấp bộ Đảng chỉ đạo linh hoạt, thống nhất, chớp thời cơ phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền. ...

*** Ý nghĩa lịch sử:**

Đối với dân tộc:

- Cách mạng tháng Tám mở ra bước ngoặt mới trong lịch sử dân tộc. Nó đã đập tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật và lật nhào chế độ phong kiến, khai sinh nước VNDCCH, nhà nước do nhân dân làm chủ.

- Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên độc lập tự do, giải phóng dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Đưa Đảng cộng sản Đông Dương trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo.

Đối với quốc tế

- Góp phần chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong chiến tranh thế giới lần II.

- Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và nửa thuộc địa trên thế giới.

*** Bài học kinh nghiệm**

- Sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chủ Tịch, với đường lối đúng đắn, sáng tạo, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng VN, nắm bắt tình hình trong nước và thế giới để đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp.

- Tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân vào trong Mặt trận thống nhất, trên cơ sở liên minh công – nông, biết phân hóa, cô lập kẻ thù.

- Chỉ đạo linh hoạt kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

- Chớp thời cơ phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền .

BÀI 17: NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2/9/1945 ĐẾN TRƯỚC 19/12/1946

Câu 25: Vì sao nói tình hình nước ta sau Cách mạng tháng 8 ở trong tình thế ngàn cân treo sợi tóc?

*** Thuận lợi:**

- Nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ nên rất phấn khởi gắn bó với chế độ

- Cách mạng nước ta có Đảng (Hồ Chí Minh đứng đầu) sáng suốt lãnh đạo

- Trên thế giới hệ thống XHCN đang hình thành, PTGPDT phát triển mạnh mẽ

*** Khó khăn:**

- Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc, 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc kéo vào, theo chúng là bọn tay sai thuộc các tổ chức phản động, âm mưu cướp chính quyền mà nhân dân ta đã giành được.

- Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, hơn 1 vạn quân Anh kéo vào, dọn đường cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta.

- Bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy, làm tay sai cho Pháp, chống phá cách mạng.

- Chính quyền cách mạng còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn yếu.

- Nạn đói vẫn chưa khắc phục. Hàng hoá khan hiếm, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Di sản văn hoá lạc hậu của chế độ cũ rất nặng nề, hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội còn phổ biến.

- Ngân sách Nhà nước trống rỗng. Chính quyền chưa quản lí được Ngân hàng Đông Dương.

→ Ngay sau Cách mạng tháng 8/1845, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đứng trước tình thế hiểm nghèo như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Câu 26: Đảng chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những biện pháp giải quyết khó khăn đó như thế nào?

*** Xây dựng chính quyền cách mạng**

- Ngày 6/1/1946, cử tri cả nước tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, có 333 đại biểu trúng cử vào Quốc hội đầu tiên của nước ta.

- 3/1946, Quốc hội họp phiên đầu tiên thông qua danh sách chính phủ liên hiệp kháng chiến do Hồ Chí Minh đứng đầu

- Tháng 11/1946, Thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Ở các địa phương thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

- 5/1946, Quân đội Quốc Gia Việt Nam ra đời. Lực lượng dân quân tự vệ ngày càng được củng cố và phát triển.

→ Bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân từng bước được củng cố và kiện toàn

*** Giải quyết nạn đói**

- Biện pháp trước mắt: Quyên góp, điều hoà thóc gạo, nghiêm trị những kẻ đầu cơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước “Nhường cơm sẻ áo”...

- Biện pháp lâu dài: kêu gọi toàn dân “Tăng gia sản xuất”, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác, tạm cấp ruộng đất bỏ hoang cho nông dân...

→ Nạn đói được đẩy lùi một bước.

*** Giải quyết nạn đói:**

- Ngày 8/ 9/1945, Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập “Nha Bình dân học vụ”, kêu gọi nhân dân cả nước tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.

- Kết quả: Trường học các cấp từ phổ thông đến đại học được khai giảng sớm, nội dung và phương pháp giáo dục bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc dân chủ. Cuối 1946, cả nước có 76000 lớp học, xoá mù chữ cho 2,5 triệu người.

*** Giải quyết khó khăn về tài chính**

- Biện pháp trước mắt: kêu gọi tinh thần tự nguyện đóng góp của nhân dân bằng hình thức phát động xây dựng “Tuần lễ vàng”, “Quỹ độc lập” → đóng góp được 370kg vàng và 20 triệu đồng vào “Quỹ độc lập”, 40 triệu đồng vào “Quỹ đảm phụ quốc phòng”

- Biện pháp lâu dài: Ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam, tháng 11/1946, đồng tiền Việt Nam được lưu hành.

Câu 27: Đấu tranh chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ chính quyền cách mạng

*** Kháng chiến chống TDP trở lại xâm lược Nam Bộ**

- Đêm 22 sáng 23/9/1945 Pháp đánh úp trụ sở UBND Nam Bộ mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai.

- Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn + quân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên chống Pháp bằng mọi hình thức (đột nhập sân bay, đốt cháy tàu Pháp, đánh phá kho tàng, phá nguồn tiếp tế...)

- Những đoàn quân Nam tiến vào Nam chiến đấu, nhân dân quyên góp, ủng hộ đồng bào Nam bộ kháng chiến.

*** Đấu tranh với quân THDQ và bọn phản cách mạng ở miền Bắc**

- Trước hoàn cảnh phải đối phó với thực dân Pháp trở lại xâm lược ở miền Nam và sự uy hiếp của quân Trung Hoa Dân quốc ở miền Bắc. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tránh

xung đột với nhiều kẻ thù cùng một lúc, tạm thời hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc, nhằm tập trung lực lượng đánh Pháp.

- Biện pháp: Nhân nhượng cho quân Trung Hoa Dân quốc một số yêu sách về kinh tế, chính trị
- + Cung cấp lương thực thực phẩm, nhận tiêu tiền “Quốc tệ”, “Quan kim” cho chúng
- + Nhường cho bọn tay sai Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong Quốc hội không qua bầu cử và một số ghế trong Chính phủ.
- + Kiên quyết vạch trần âm mưu phá hoại các tổ chức phản cách mạng. Ban hành một số sắc lệnh nhằm trấn áp bọn phản cách mạng
- **Ý nghĩa:** Chúng ta đã hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá của quân Trung Hoa Dân quốc và tay sai, làm thất bại âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của chúng.

Câu 28: Hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946:

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

- P đã kí với THDQ bản hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28-2-1946, theo đó Pháp được đưa quân ra miền Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
- Hiệp ước Hoa - Pháp đặt nhân dân ta đứng trước 2 con đường phải lựa chọn: Hoặc cầm súng chiến đấu không cho P đổ bộ lên miền Bắc; hoặc hoà hoãn với Pháp để tránh đối phó cùng lúc nhiều kẻ thù nguy hiểm.
- Trước tình hình đó Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp, do Hồ Chí Minh chủ trì, đã chọn giải pháp “Hoà để tiến”.
- Ngày 6/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với G. Xanhtoni, đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

*** Nội dung Hiệp định Sơ bộ:**

- Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ riêng, nghị viện riêng ... nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
- Chính phủ Việt Nam đồng ý để cho 15.000 quân Pháp ra miền Bắc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật và rút dần trong thời hạn 5 năm .
- Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở miền Nam đi đến cuộc đàm phán chính thức...

*** Ý nghĩa:**

- Với việc kí Hiệp định Sơ bộ, ta tránh được cuộc chiến đấu với nhiều kẻ thù cùng một lúc.
 - Giúp ta loại bớt một kẻ thù là 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc.
 - Tạo cho ta thời gian hòa bình quý báu để chuẩn bị lực lượng cho kháng chiến lâu dài
 - Pháp phải thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do.
- * Ta và Pháp tiếp tục đàm phán ở hội nghị Phôngtenoblô nhưng thất bại. Ngày 14/9/1946, Hồ Chí Minh ký với Pháp bản Tạm ước tạo thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị lực lượng.

**Bài 18: NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
BÙNG NỔ 1946-1950**

Câu 29: Vì sao Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp? Phân tích nội dung của Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp?

*** Hoàn cảnh lịch sử**

- Sau Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước Việt - Pháp 14/9/1946, thực dân Pháp tăng cường hoạt động khiêu khích, tiến công ta ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Hải Phòng, Lạng Sơn, nhất là ở Hà Nội (12/1946)

- Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư yêu cầu ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng. Nếu không chúng sẽ hành động vào sáng 20/12/1946

- Trước những hành động xâm lược trắng trợn của Pháp buộc nhân dân ta phải đứng lên cầm súng chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

- Trong hai ngày 18 và 19/12/1946, Ban thường vụ trung ương Đảng họp và phát động toàn quốc kháng chiến. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

- Đêm 19/12/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Thực Dân Pháp.

* Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống Thực Dân Pháp: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được thể hiện trong các văn kiện: Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (12/12/1946); Lời kêu gọi toàn dân kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Tổng Bí thư Trường Chinh (9/1947). Đó là cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

- **Kháng chiến toàn dân:** Xuất phát từ truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc ta, từ quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của chủ nghĩa Mác – Lênin, từ tư tưởng “chiến tranh nhân dân” của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Có lực lượng toàn dân tham gia mới thực hiện được kháng chiến toàn diện và tự lực cánh sinh.

- **Kháng chiến toàn diện:** Do địch đánh ta toàn diện nên ta phải đánh chúng toàn diện. Cuộc kháng chiến của ta bao gồm cuộc đấu tranh trên tất cả mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục..., nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, ta vừa “kháng chiến” vừa “kiến quốc”, tức là xây dựng chế độ mới nên phải kháng chiến toàn diện.

- **Kháng chiến lâu dài:** So sánh lực lượng lúc đầu giữa ta và địch chênh lệch, địch mạnh hơn ta về nhiều mặt, ta chỉ hơn địch về tinh thần và có chính nghĩa. Do đó, phải có thời gian để chuyển hóa lực lượng làm cho địch yếu dần, phát triển lực lượng của ta, tiến lên đánh bại kẻ thù.

- **Kháng chiến tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ quốc tế:**
Mặc dù rất coi trọng những thuận lợi và sự giúp đỡ bên ngoài, nhưng bao giờ cũng theo đúng phương châm kháng chiến của ta là tự lực cánh sinh, vì bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng phải do sự nghiệp của bản thân quần chúng, sự giúp đỡ bên ngoài chỉ là điều kiện hỗ trợ thêm.

* **Ý nghĩa của đường lối kháng chiến:** Đường lối kháng chiến có tác dụng động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đứng lên kháng chiến chống Pháp xâm lược đến thắng lợi cuối cùng

Câu 30: Trình bày cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

- Ở HN đêm 19/12/1946 cuộc chiến đấu bắt đầu, nhân dân lập những chướng ngại vật để chống giặc. Trung đoàn thủ đô được thành lập và đánh những trận quyết liệt ở Bắc Bộ phủ, chợ Đồng Xuân, nhà Bưu điện...

- Sau 2 tháng chiến đấu kiên cường, 2/1947 quân ta rút khỏi vòng vây của địch, ra căn cứ an toàn.

- Ở các đô thị Bắc Giang, Bắc Ninh, Huế, Đà Nẵng... quân ta bao vây, tiến công tiêu diệt nhiều tên địch.

* **Ý nghĩa:** Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân địch trong thành phố, chặn đứng kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh, tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Câu 31: Âm mưu của Pháp, chủ trương của ta, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của Chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947?

* **Âm mưu của Pháp:**

- Tháng 3/1947, Bôlaec được cử làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương đồng thời vạch kế hoạch tiến công Việt Bắc, nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh xâm lược.

- Ngày 7/10/1947, Pháp huy động 12.000 quân mở cuộc tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc.

* **Chủ trương của ta:** Đảng ra chỉ thị “Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”

* **Diễn biến:**

- Ta bao vây, tiến công địch tại Bắc Cạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, Chợ Rã buộc Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã (11/1947).

- Ở mặt trận hướng Đông: ta phục kích chặn đánh địch trên đường số 4, tiêu biểu là trận ở đèo Bông Lau (30/10/1947).

- Ở hướng tây: Ta phục kích, đánh địch nhiều trận trên sông Lô, nổi bật là trận Đuan Hùng, Khe Lau, đánh chìm nhiều tàu chiến, và ca nô của địch.

* **Kết quả:**

- Hai gọng kìm của Pháp bị bẻ gãy, ngày 19/12/19 quân Pháp phải rút khỏi Việt Bắc.

- Cơ quan đầu não kháng chiến được bảo vệ, bộ đội chủ lực của ta trưởng thành nhanh chóng.

* **Ý nghĩa:** thắng lợi trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947, đã đưa kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn mới, buộc Pháp phải thay đổi chiến lược ở Đông Dương. Chuyển từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh lâu dài có lợi cho ta.

Câu 32: Hoàn cảnh lịch sử, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Biên Giới 1950:

* **Hoàn cảnh lịch sử**

- **Thuận lợi:**

+ Ngày 01/10/1949, cách mạng Trung Quốc thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời tạo điều kiện cho ta liên lạc với các nước XHCN.

+ Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô, và các nước CHXH khác lần lượt công nhận, đặt quan hệ ngoại giao với nước ta

- **Khó khăn:** Tháng 5-1949, với sự đồng ý của Mỹ Pháp đề ra kế hoạch Rove với 3 âm mưu :

+ Tăng cường hệ thống phòng thủ trên đường số 4 nhằm khóa chặt biên giới Việt Trung.

+ Thiết lập hành lang Đông - Tây: Hà Nội - Hải Phòng – Hòa Bình – Sơn La.

+ Chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần thứ hai.

* **Chủ trương của Đảng và Chính phủ ta:** Tháng 6/1950, Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm 3 mục tiêu:

- Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch,

- Khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới

- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc

* **Diễn biến:**

- 16/9/1950, ta mở màn chiến dịch bằng trận đánh Đông Khê, Thất Khê bị uy hiếp, Cao Bằng bị cô lập. Pháp phải rút khỏi Cao Bằng theo đường số 4.

- Quân ta chặn đánh địch nhiều nơi trên đường số 4, buộc Pháp rút khỏi Thất Khê, Na Sầm, Lạng Sơn → đường số 4 được giải phóng.

* **Kết quả:** loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 tên địch, giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông – Tây, thế bao vây của địch đối với căn cứ Việt Bắc bị phá vỡ, kế hoạch Rove bị phá sản.

* **Ý nghĩa:**

- Đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông.
- Chiến dịch Biên Giới đã chứng minh sự trưởng thành của Bộ đội ta qua 4 năm kháng chiến.
- Qua chiến dịch này ta đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

BÀI 19: BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1951 – 1953)

Câu 33: TDP đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ĐD?

* **Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh:**

- Từ 5/1949 Mĩ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược ĐD.
- 12/1950 Mĩ kí với Pháp HĐ phòng thủ chung ĐD, viện trợ quân sự, kinh tế - tài chính cho P và tay sai, Mĩ từng bước thay chân P ở ĐD.
- 9/1951, Mĩ kí với Bảo Đại HU hợp tác kinh tế Việt – Mĩ nhằm trực tiếp ràng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mĩ.

* **Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi:**

- Dựa vào viện trợ của Mĩ, cuối năm 1950 P đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi nhằm nhanh chóng kết thúc chiến tranh trong thắng lợi.

- Nội dung kế hoạch gồm bốn điểm chính:
 - + XD một lực lượng cơ động mạnh, xd “quân đội quốc gia”.
 - + XD phòng tuyến công sự xi măng cốt sắt (boongke), thành lập vành đai trắng.
 - + Đánh phá hậu phương của ta

→ Kế hoạch này đã đẩy cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở ĐD lên qui mô lớn gây khó khăn cho cuộc kháng chiến của ta, nhất là vùng sau lưng địch.

Câu 34: Nội dung và ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2-1951)

* Từ ngày 11 đến 19/2/1951 ĐHĐB lần hai của Đảng họp tại xã Vinh Hóa (Tuyên Quang)

* **Nội dung:**

- Đại hội thông qua Báo cáo chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của Đảng qua các thời kỳ.

- Thông qua Báo cáo “Bàn về cách mạng Việt Nam” của Tổng bí thư Trường Chinh: Nêu rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập, xóa bỏ những tàn tích phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, phát triển chế độ dân chủ nhân dân.

- Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt – Lào - Campuchia một Đảng Mác- Lênin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

- Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới, xuất bản báo nhân dân làm cơ quan ngôn luận của Đảng.

- Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Đảng, Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

*** Ý nghĩa Đại hội:**

- Đại hội đánh dấu bước phát triển mới, bước trưởng thành của Đảng ta, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với kháng chiến.

- Đây là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”.

BÀI 20: CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC

Câu 35: Trình bày về bối cảnh lịch sử, nội dung của kế hoạch Na Va?

*** Hoàn cảnh lịch sử:**

- Sau hơn 8 năm tiến hành chiến hành xâm lược Việt Nam, quân Pháp thiệt hại ngày càng lớn, bị loại khỏi vòng chiến đấu 39 vạn quân, ngày càng lâm vào thế bị động trên chiến trường...

- Ngày 7/5/1953, được sự thỏa thuận của Mỹ, Pháp cử Nava sang làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương. Nava đề ra kế hoạch quân sự mới.

*** Nội dung kế hoạch NaVa: được chia thành 2 bước:**

- **Bước thứ nhất :** Trong thu – đông 1953 và xuân 1954, giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược để bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh.

- **Bước thứ hai :** Từ thu – đông 1954, , thực hiện tiến công chiến lược ở Bắc Bộ, cố gắng giành thắng lợi quân sự quyết định, buộc ta phải đàm phán với những điều kiện có lợi cho chúng.

* Từ thu – đông 1953, Nava tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn quân cơ động, càn quét bình định vùng chiếm đóng, mở cuộc tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa.

Câu 36: Chủ trương của ta, diễn biến cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954?

* **Chủ trương, kế hoạch của ta:** Tập trung lực lượng tiến công vào hướng chiến lược quan trọng, mà địch tương đối yếu nhưng lại quan trọng về chiến lược mà chúng không thể bỏ nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng thêm đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng, tạo điều kiện tiêu diệt chúng.

*** Diễn biến các cuộc tiến công chiến lược :**

- Tháng 12/1953, bộ đội ta tiến công và giải phóng thị xã Lai Châu, Pháp buộc phải điều quân tăng cường cho Điện Biên Phủ, biến nơi đây trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.

- Đầu tháng 12/1953, liên quân Lào – Việt, tiến công địch ở Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt, uy hiếp Xavanakhét và căn cứ Xê nô buộc địch phải tăng cường quân cho Xê nô, biến nơi đây trở thành nơi tập trung binh lực thứ ba của Pháp.

- Tháng 1/1954, liên quân Lào – Việt tiến công địch ở Thượng Lào, giải phóng lưu vực sông Nậm Hu và tỉnh Phongxali, buộc Pháp tăng cường quân cho Luông Phabang và Mường Sài. Luông Phabang và Mường Sài trở thành nơi tập trung quân thứ tư của Pháp.

- Tháng 2/1954, ta giải phóng thị xã Kon Tum, uy hiếp Plâyku buộc địch tăng cường quân cho Plâyku. Đây trở thành nơi tập trung quân thứ năm của Pháp.

Câu 37: Diễn biến, kết quả và ý nghĩa của chiến dịch Điện Biên Phủ:

* **Diễn biến:** Chiến dịch Điện Biên Phủ được chia làm 3 đợt:

- Đợt 1 (từ 13 đến 17/3/1954): quân ta tiến công tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

- Đợt 2 (từ 30/3 đến 26/4/1954): quân ta đồng loạt tiến công các cứ điểm phía Đông phân khu trung tâm Mường Thanh như các cứ điểm E1, D1, C1, A1,... bao vây, chia cắt địch.

- Đợt 3 (từ 1/5 đến 7/5/1954): quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung Tâm và phân khu Nam, tiêu diệt các cứ điểm còn lại. Chiều 7/5, tướng cờ Đờ Caxtori cùng toàn bộ ban tham mưu của địch đầu hàng và bị bắt sống.

* **Kết quả:** Ta đã loại vòng chiến đấu 16.200 địch, trong đó có một thiếu tướng, bắn rơi và phá hủy 62 máy bay các loại, thu toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh.

* **Ý nghĩa**

- Thắng lợi Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.
- Giáng đòn quyết định vào tham vọng xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi.

Câu 38: Nội dung cơ bản, ý nghĩa của hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương:

* **Nội dung của hiệp định Giơnevơ**

- Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.
- Các bên tham chiến thực hiện cuộc tập kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực.
- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự và vũ khí nước ngoài vào các nước Đông Dương. Các nước Đông Dương không được tham gia bất cứ khối liên minh quân sự nào.

- Ở Việt Nam: quân đội nhân dân Việt Nam và quân Pháp tập kết ở 2 miền Bắc – Nam, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời; tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956.

- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào ĐD
- Trách nhiệm thi hành hiệp định thuộc về những người kí hiệp định và những người kế tục sự nghiệp của họ.

* **Ý nghĩa:**

- Hiệp định Giơnevơ đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước. Đế quốc Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Câu 39: Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954):

*** Nguyên nhân thắng lợi**

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
- Có chính quyền dân chủ nhân dân, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang 3 thứ quân, có hậu phương rộng lớn, vững mạnh.
- Có liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương, sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và các nước khác.

*** Ý nghĩa lịch sử**

- Chấm dứt chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị thực dân của Pháp trong gần một thế kỉ trên đất nước ta. Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

BÀI 21: XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ CHÍNH QUYỀN SÀI GÒN Ở MIỀN NAM 1954-1965

Câu 40: Tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương:

*** Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ.**

- 16/5/1955 Toán lính Pháp cuối cùng rút khỏi đảo Cát Bà, Miền Bắc hoàn toàn giải phóng.
- 5/1956 Pháp rút quân khỏi Miền Nam khi chưa thực hiện cuộc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc.
- Mỹ thay chân Pháp và đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, biến Miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Nam Á.

*** Nhiệm vụ cách mạng của cả nước:**

- Miền Bắc: Hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế tiến lên CNXH, để trở thành hậu phương vững chắc cho CMMN.
- Miền Nam: Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

*** Vai trò và mối quan hệ của cách mạng hai miền:**

- Miền Bắc là hậu phương có vai trò quyết định nhất, còn Miền Nam là tiền tuyến có vai trò quyết định trực tiếp trong việc thực hiện nhiệm vụ chung, trước hết là đánh bại đế quốc Mỹ, giải phóng Miền Nam.
- Cách mạng hai miền có mối quan hệ gắn bó với nhau, phối hợp nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển. Đó là quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến.

Câu 41: Những thành tựu trong việc hoàn thành cải cách ruộng đất (1954 – 1957) ở miền Bắc

*** Hoàn thành cải cách ruộng đất:**

- Căn cứ vào hoàn cảnh thực tế ở MB và yêu cầu quyền lợi về kinh tế, chính trị của nd, nhằm củng cố khối liên minh công nông...Đảng, CP quyết định “đẩy mạnh phát động quần chúng thực hiện cải cách ruộng đất”

- Trong hơn 2 năm (1954-1956), Miền Bắc tiến hành đợt 6 giảm tô và đợt 4 cải cách ruộng đất.

- Kết quả: 81 vạn hecta ruộng đất, 10 vạn trâu bò, 1,8 triệu nông cụ được chia cho 2 triệu hộ nông dân. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” đã trở thành hiện thực.

* **Hạn chế:** trong cải cách ruộng đất đã có những sai lầm như đấu tố tràn lan, thô bạo, đấu tố cả những địa chủ kháng chiến... nhưng đã kịp thời sửa sai.

* **Ý nghĩa:** Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công nông được củng cố.

Câu 42: Hoàn cảnh, diễn biến, ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi 1959 – 1960?

* **Điều kiện lịch sử: (Nguyên nhân của phong trào Đồng khởi)**

- Những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố phong trào đấu tranh của quần chúng, đề ra luật 10/59, đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật.

- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền Mĩ – Diệm.

* **Diễn biến của phong trào “Đồng Khởi”:**

- Ngày 17/1/1960, “Đồng Khởi” nổ ra ở 3 xã điểm: Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày (Bến Tre), rồi nhanh chóng lan ra toàn huyện, toàn tỉnh Bến Tre, lan ra khắp Nam Bộ, Tây Nguyên...Đến 1960, cách mạng làm chủ nhiều thôn, xã ở Nam bộ, ven biển trung bộ và Tây Nguyên.

- Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi dẫn đến sự ra đời của mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960).

* **Ý nghĩa:**

- Phong trào “Đồng Khởi” đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân kiểu mới của Mĩ, làm lung lay tận gốc chế độ tay sai Ngô Đình Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

Câu 42: Trình bày nội dung và ý nghĩa của Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)

* Từ ngày 5 đến ngày 10/9/1960 Đảng lao động Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III tại thủ đô Hà Nội

* **Nội dung:**

- Đại hội đề ra nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và nhiệm vụ chiến lược của cách mạng từng miền

- Nêu rõ vị trí, vai trò và mối quan hệ cách mạng giữa 2 miền.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.

+ Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

+ Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, gắn bó và tác động lẫn nhau nhằm thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước.

- Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

- Bầu BCHTW mới (Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng, Lê Duẩn làm bí thư)

* **Ý nghĩa đại hội:** Nghị quyết của Đại hội là nguồn ánh sáng mới cho toàn Đảng, toàn dân xây dựng thắng lợi CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Câu 44: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961 – 1965) ở Miền Nam. Những thắng lợi của quân dân Miền Nam trong chống “chiến tranh đặc biệt”.

* **Âm mưu:**

- “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh thực dân kiểu mới được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn quân sự Mĩ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện triển tranh của Mĩ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản của Mĩ trong “Chiến tranh đặc biệt” là “dùng người Việt đánh người Việt”.

* **Thủ đoạn**

- Mĩ đề ra kế hoạch Xtalay – Taylo nhằm bình định miền Nam trong 18 tháng.

- Tăng cường viện trợ quân sự: đưa nhiều cố vấn quân sự, tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, trang bị phương tiện chiến tranh.

- Tiến hành dồn dân lập “ấp chiến lược”.

- Quân đội Sài Gòn liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

- Phá hoại miền Bắc.

* **Những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong chiến tranh đặc biệt:**

- Cuộc đấu tranh chống và phá “ấp chiến lược” diễn ra rất gay go quyết liệt, đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số ấp với gần 70% nông dân.

- Trên mặt trận chính trị : các đô thị nhất là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng đấu tranh chống lại sự đàn áp của chính quyền Diệm nổi bật là cuộc đấu tranh của các tín đồ phật giáo và “Đội quân tóc dài” → làm suy sụp của chính quyền Ngô Đình Diệm. 11/1963 Mĩ làm đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm.

- Trên mặt trận quân sự:

+ 1/1963 quân dân miền Nam giành thắng lớn trong trận Ấp Bắc – Mĩ Tho → dấy lên phong trào “thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công”. Chiến thắng này chứng minh rằng quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ - ngụy.

+ Đông – xuân 1964 – 1965, ta mở chiến dịch và giành thắng lợi ở Bình Giả (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước)... đã làm phá sản về cơ bản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

* **Ý nghĩa:** Đây là thất bại chiến lược lần thứ hai của Mĩ, buộc Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân Mĩ vào tham chiến ở Miền Nam.

**BÀI 22: NHÂN DÂN HAI MIỀN TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU CHỐNG ĐẾ QUỐC MĨ XÂM LƯỢC,
NHÂN DÂN MIỀN BẮC VỪA CHIẾN ĐẤU VỪA SẢN XUẤT 1965-1973**

Câu 45: Âm mưu và hành động mới của Mĩ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Những thắng lợi tiêu biểu của Quân dân ta trong chiến tranh Cục bộ.

*** Âm mưu:**

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mĩ phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở Miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là loại hình xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng quân Mĩ, quân một số nước đồng minh của Mĩ và quân đội Sài Gòn. Lúc cao nhất lên 1.5 triệu tên.

- Mục tiêu: giành lại thế chủ động trên chiến trường, đẩy lực lượng vũ trang của ta trở về phòng ngự, buộc ta phải đánh nhỏ hoặc rút về biên giới.

* **Hành động:** Dựa vào ưu thế quân sự với quân số đông, vũ khí hiện đại, quân Mĩ vào Miền Nam đã mở ngay cuộc hành quân “tìm diệt” vào căn cứ Quân giải phóng ở Vạn Tường (Quảng Ngãi) và hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966 và 1966 – 1967) bằng hàng loạt cuộc hành quân “tìm diệt” và “bình định” vào “Đất thánh Việt Cộng”.

*** Những thắng lợi tiêu biểu:**

Chiến thắng Vạn Tường Quảng Ngãi (18 – 8-1965):

- Sau một ngày quân chủ lực cùng với quân du kích và nhân dân địa phương đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 900 tên, bắn cháy hàng chục xe tăng, xe bọc thép, máy bay.

- Vạn Tường được coi là “Áp Bắc” đối với quân Mĩ, khẳng định quân dân ta có thể đánh thắng Mĩ trong chiến tranh cục bộ, mở đầu cao trào “tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt” trên khắp miền Nam.

Chiến thắng trong hai mùa khô:

- **Mùa khô thứ nhất (Đông – Xuân 1965 - 1966):** Quân dân miền Nam đã đập tan các cuộc phản công chiến lược với 450 cuộc hành quân, trong đó có 5 cuộc hành quân “tìm diệt” lớn vào Đông Nam Bộ và Liên khu V.

- **Mùa khô thứ hai (1966 - 1967):** Quân và dân ta đập tan cuộc phản công chiến lược với 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân lớn “tìm diệt” và “bình định”, lớn nhất là cuộc hành quân Gianxơn Xiti đánh vào căn cứ Dương Minh Châu (Bắc Tây Ninh), nhằm tiêu diệt quân chủ lực và cơ quan đầu não của ta.

Phong trào đấu tranh của quần chúng chống ách kìm kẹp của địch, phá “áp chiến lược” ở nông thôn diễn ra mạnh mẽ. Ở thành thị công nhân, HSSV đấu tranh đòi Mĩ rút về nước đòi tự do dân chủ... Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của MTTDTGPMNVN được nâng cao.

* **Ý nghĩa của Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968:** giáng cho địch những đòn bất ngờ, làm lung lay ý chí xâm lược của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “Phi Mĩ hóa chiến tranh” (tức thừa nhận thất bại của “chiến tranh cục bộ”), ngừng hoàn toàn ném bom bắn phá miền Bắc, chịu đàm phán với ta ở Pari, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

Câu 46: Âm mưu và thủ đoạn của Mĩ- Ngụy trong “Việt Nam hóa chiến tranh. Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống Việt Nam hóa chiến tranh.

*** Âm mưu:**

- Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” Mỹ phải chuyển sang thực hiện chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, gọi là “Đông Dương hóa chiến tranh”.

- “Việt Nam hóa chiến tranh” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực và không quân Mỹ, vẫn do cố vấn Mỹ chỉ huy, cung cấp vũ khí và phương tiện chiến tranh.

- Tiến hành “Việt nam hóa chiến tranh” Mỹ tiếp tục dùng âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt” để giảm thương vong của người Mỹ trên chiến trường.

- Quân đội Sài Gòn được sử dụng như lực lượng xung kích để mở rộng chiến tranh xâm lược Campuchia (năm 1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (năm 1971) thực hiện âm mưu “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”.

*** Thủ đoạn:**

- Mỹ tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hoãn hoãn với Liên xô, nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với nhân dân ta.

*** Những thắng lợi của quân dân ta trong chiến đấu chống chiến lược “Việt nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mỹ**

- Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam thành lập, được 23 nước công nhận, có 21 nước đặt quan hệ ngoại giao.

- Tháng 4/1970 Hội nghị cấp cao 3 nước Việt Nam - Lào – Campuchia họp, biểu thị quyết tâm của nhân dân 3 nước Đông Dương đoàn kết chống Mỹ.

- Tháng 4 – 6/1970, quân đội ta phối hợp nhân dân Campuchia, đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân Mỹ và quân Sài Gòn

- Tháng 2 – 3/1971, bộ đội Việt nam phối hợp với nhân dân Lào, đã đập tan cuộc hành quân mang tên “Lam Sơn – 719” chiếm giữ đường 9 - Nam Lào của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn.

- Ở thành thị, phong trào học sinh, sinh viên phát triển rầm rộ. Ở nông thôn, đồng bằng ... quần chúng nhân dân nổi dậy chống bình định, phá áp chiến lược.

*** Cuộc tiến công chiến lược năm 1972**

- Ngày 30/3/1972 ta mở cuộc tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị, lấy Quảng Trị làm hướng tiến công chủ yếu, rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam.

- Kết quả: chọc thủng 3 phòng tuyến mạnh nhất của địch là Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

- Ý nghĩa: giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” , buộc Mỹ phải tuyên bố “Mỹ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược (thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”).

Câu 47: Những thành tích của quân dân Miền Bắc trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1972)? Ý nghĩa của chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”?

- Ngày 16/4/1972, Tổng thống Mỹ Nichxon chính thức tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc (lần thứ hai).

- Từ 18 – 29/12/1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

- Quân dân ta ở miền Bắc đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm nên trận “Điện Biên phủ trên không”

* **Kết quả:** quân dân ta đã bắn rơi 81 máy bay, bắt sống 43 phi công Mỹ. Trong cả cuộc chiến tranh phá hoại lần hai, miền Bắc bắn rơi 735 máy bay Mỹ, bắn chìm 125 tàu chiến, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm phi công Mỹ.

* **Ý nghĩa:** “Điện Biên Phủ trên không” là trận quyết định buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam (1/1973)

Câu 48: Nội dung và ý nghĩa của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN?

* **Nội dung của hiệp định Pa ri:**

- Hoa Kỳ cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.
- Hoa Kỳ cam kết rút hết quân đội của mình và quân đồng minh. Cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.

* **Ý nghĩa**

- Là thắng lợi của sự kết hợp của đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường bất khuất của quân và dân hai miền Nam, Bắc, mở ra bước ngoặt mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút hết quân về nước. Đó là thắng lợi lịch sử quan trọng, tạo ra thời cơ thuận lợi, để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam

BÀI 23: KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM 1973-1975

Câu 49: Miền Nam đấu tranh chống bình định, lấn chiếm, tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn toàn.

- Tháng 7/1973, hội nghị BCH TW Đảng lần thứ 21 xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhấn mạnh tiếp tục con đường cách mạng bạo lực, nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên cả 3 mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao.

- Cuối 1974 → đầu 1975 ta mở hàng loạt hoạt động quân sự, chủ yếu là miền Đông và miền Tây nam bộ, đặc biệt giành thắng lợi vang dội trong chiến dịch đường 14 – Phước Long (6/1/1975).

- Chiến thắng Phước Long cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của ta; sự suy yếu của quân đội SG và khả năng can thiệp của Mỹ là rất hạn chế.

Câu 50: Chủ trương kế hoạch giải phóng hoàn toàn Miền Nam?

- Bộ chính trị trung ương Đảng cuối năm 1974 đầu năm 1975 đề ra chủ trương, kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975-1976.

- Bộ chính trị nhấn mạnh, cả năm 1975 là thời cơ, nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng hoàn toàn miền Nam trong năm 1975.

- Cần phải tranh thủ thời cơ đánh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân.

Câu 51: Diễn biến chính và ý nghĩa của các chiến dịch lớn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân 1975.

*** Chiến dịch Tây nguyên (4/3 đến 24/3):**

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng, nhưng do địch nhận định sai hướng tiến công của quân ta nên bố trí lực lượng ở đây mỏng, phòng thủ sơ hở ...

- Ngày 10/3, quân ta tấn công Buôn Ma Thuột mở màn chiến dịch và giành được thắng lợi.

- Ngày 12/3, địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột, nhưng bị thất bại.

- Ngày 14/3, địch được lệnh rút toàn bộ quân khỏi Tây Nguyên. Trên đường rút chạy, địch bị quân ta truy kích tiêu diệt. Ngày 24/3/1975, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng.

*** Ý nghĩa:** Chiến thắng Tây Nguyên đã mở ra quá trình sụp đổ hoàn toàn của ngụy quân, ngụy quyền, không thể cứu vãn được. Chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của ta từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

*** Chiến dịch Huế- Đà Nẵng (21/3 – 29/3/1975)**

- Nhận thấy thời cơ thuận lợi, khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, Bộ chính trị quyết định kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, trước tiên tiến hành chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng

- Ngày 21/3 quân ta tấn công Huế và chặn đường rút chạy của địch.

- Ngày 26/3 ta giải phóng thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Sáng 29/3 quân ta tấn công Đà Nẵng, đến 3 giờ chiều Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

- Cuối tháng 3 – đầu tháng 4, các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và một số tỉnh Nam bộ, quân và dân nổi dậy đánh địch, giải phóng quê hương.

*** Ý nghĩa:** Chiến thắng Huế - Đà Nẵng gây nên tâm lí tuyệt vọng trong ngụy quyền, đưa cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta tiến lên một bước mới với sức mạnh áp đảo.

*** Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 đến 30/4) :**

- Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế - Đà Nẵng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định giải phóng miền Nam trước mùa mưa.(trước tháng 5/1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định được Bộ chính trị quyết định mang tên chiến dịch Hồ Chí Minh.

- 17h ngày 26/4, quân ta nổ súng mở đầu chiến dịch, 5 cánh quân vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài, tiến vào trung tâm thành phố.

- 10h45 ngày 30-4, xe tăng ta tiến thẳng vào Dinh Độc lập, bắt sống toàn bộ nội các Chính phủ Sài Gòn, Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.

- 11h30 phút, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc lập, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

*** Ý nghĩa:** Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử toàn thắng, đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho quân dân ta tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn các tỉnh còn lại ở Nam Bộ.

* Ngày 2/5/1975, ta giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 53: Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

*** Nguyên nhân thắng lợi**

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Phương pháp đấu tranh linh hoạt.

- Nhân dân giàu lòng yêu nước, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm. Có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh...

- Sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau của 3 dân tộc ở Đông Dương; Sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng cách mạng, hòa bình, dân chủ trên thế giới, nhất là Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

*** Ý nghĩa lịch sử**

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến ở nước ta, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- Mở ra kỉ nguyên mới của lịch sử dân tộc – kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội

- Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ to lớn đối với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

BÀI 24: VIỆT NAM TRONG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC NĂM 1975

Câu 55: Tình hình hai miền Nam – Bắc sau năm 1975

- Thuận lợi:

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975) đã đạt được những thành tựu to lớn.

+ Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Trung ương Sài Gòn sụp đổ.

- Khó khăn :

+ Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ đã tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài đối với miền Bắc.

+ Ở miền Nam những di hại xã hội cũ còn tồn tại. Nhiều làng mạc bị tàn phá, nhiều ruộng đất bị bỏ hoang...Đội ngũ thất nghiệp lên đến hàng triệu người...kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phụ thuộc chủ yếu vào viện trợ bên ngoài.

Câu 56: Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước (1975 - 1976)

*** Quá trình thống nhất:**

- Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tiến hành, với hơn 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu.

- Từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất họp kì đầu tiên tại Hà Nội, với nội dung:

- + Thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước Việt Nam thống nhất.
- + Quyết định tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định Quốc huy, Quốc kì, Quốc ca. Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Quốc hội bầu các cơ quan, chức vụ cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

*** Ý nghĩa:**

- Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước đã tạo nên những điều kiện chính trị cơ bản để phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước.
- Tạo những điều kiện thuận lợi để cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, những khả năng to lớn để bảo vệ Tổ quốc và mở rộng quan hệ với các nước.

BÀI 26: ĐẤT NƯỚC TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1986 - 2000)

Câu 57: Đường lối đổi mới của Đảng

*** Hoàn cảnh lịch sử mới**

- Tình hình trong nước:

+ Qua hai kế hoạch 5 năm XD CNXH (1976 – 1980) và (1981-1985), cách mạng nước ta đạt được những thành tựu đáng kể, song cũng gặp không ít khó khăn, khiến đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng, nhất là về kinh tế - xã hội.

+ Để khắc phục sai lầm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

- Hoàn cảnh thế giới:

+ Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cách mạng KHKT, trở thành xu thế thế giới.

+ Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng của Liên Xô và các nước XHCN khác, cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải tiến hành đổi mới.

*** Quan điểm đổi mới của Đảng:**

- Đổi mới nhưng không thay đổi mục tiêu CNXH, chỉ thay đổi hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp điều kiện lịch sử mới

- Đổi mới toàn diện, đồng bộ từ kinh tế, chính trị - xã hội...trọng tâm là đổi mới kinh tế.

*** Nội dung đường lối đổi mới:**

- Đổi mới về kinh tế: Xây dựng nền kinh tế nhiều ngành, nghề, nhiều qui mô, trình độ công nghệ. Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới về chính trị: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền dân chủ XHCN, thực hiện quyền dân chủ nhân dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Câu 57: Quá trình thực hiện đường lối đổi mới 1986 – 2000

- Thành tựu:

+ Về lương thực - thực phẩm: từ chỗ thiếu ăn, nhập lương thực, đến năm 1990 chúng ta đã đáp ứng nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Năm 1988, đạt 19.5 triệu tấn, 1989 – 21.4 triệu tấn.

+ Hàng hóa trên thị trường: dồi dào, đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi, có tiến bộ về mẫu mã, chất lượng. Sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, phần bao cấp của Nhà nước giảm đáng kể.

+ Kinh tế đối ngoại: Được mở rộng hơn trước. Từ 1986 -1990, hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần, nhập khẩu giảm đáng kể.

+ Kiểm chế được một bước đà lạm phát, từ 20% (1986) còn 4,4% (1990)

+ Bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- **Những khó khăn – yếu kém:** kinh tế còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, lao động thiếu việc làm, tình trạng tham nhũng, nhận hối lộ, mất dân chủ chưa được khắc phục.

- THE END -